



GIADINHBANK
NGÂN HÀNG GIA ĐỊNH

www.giadinhbank.com.vn

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CỔ PHIẾU.
MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

- Giấy phép thành lập số 576 /GP-UB do Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 08/10/1992
- Giấy phép hoạt động số 0025/NH-GP do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 22/08/1992
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 059036 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 16/10/1992, điều chỉnh lần 16 ngày 29/7/2010.

NGÂN HÀNG TMCP GIA ĐỊNH

(Giấy chứng nhận ĐKKD số 059036 do Sở KH & ĐT TP Hồ Chí Minh cấp ngày 29/7/2010)

CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số 660/UBCK-GCN do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 06 tháng 9 năm 2010).

◆ TỔ CHỨC ĐẠI LÝ PHÁT HÀNH

Công ty TNHH Chứng khoán VIETCOMBANK (VCBS)

Công ty cổ phần Chứng khoán BETA (BSI)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại:

đại lý phát hành và Trụ sở chính Ngân hàng TMCP Gia Định từ ngày: tháng 9 năm 2010.

◆ Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên: Bà PHẠM THỊ MỸ CHI

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Gia Định

Số điện thoại: (08) 6 267 9679 - Fax: (08) 6236 868





GIADINHBANK
NGÂN HÀNG GIA ĐỊNH

www.giadinhbank.com.vn

BẢN CÁO BẠCH

- Giấy phép thành lập số 576/GP-UB do Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 08/10/1992
- Giấy phép hoạt động số 0025/NH-GP do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 22/08/1992

NGÂN HÀNG TMCP GIA ĐỊNH

(Giấy chứng nhận ĐKKD số 059036 do Sở KH & ĐT TP Hồ Chí Minh cấp ngày 29/7/2010)

CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

◀ Tên cổ phiếu: cổ phiếu phổ thông	
◀ Mệnh giá:	10.000 đồng/cổ phần
◀ Giá bán:	10.000 đồng/cổ phần
◀ Tổng số lượng chào bán:	200.000.000 cổ phần.
(Chia thành 2 đợt, trong đó Đợt 1 phát hành 96.407.000 cổ phần và thưởng 3.593.000 cổ phần cho cổ đông hiện hữu)	
◀ Tổng giá trị chào bán:	2.000.000.000.000 đồng.

ĐẠI LÝ PHÁT HÀNH

- ◀ **1. CÔNG TY TNHH CHỨNG KHOÁN VIETCOMBANK (VCBS):**
Trụ sở chính: tầng 12 số 198 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội.
Số điện thoại: 84-4-39366990 Fax: 84-4-39360262
- ◀ **2. CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BETA**
Trụ sở chính: 16 Nguyễn Trường Tộ, phường 12, quận 4, TP HCM.
Số điện thoại: 84-8- 3826 8999 - Fax:84-8- 3943 4816
- ◀ **3. TỔ CHỨC KIỂM TOÁN: CÔNG TY TNHH ERNST & YOUNG VIỆT NAM**
- Địa chỉ: tầng 8, 2A – 4A Tôn Đức Thắng, quận 1, TP Hồ Chí Minh.
- Điện thoại: (84-8) 3824 5252
- Fax: (84-8) 3824 5250
- Website: www.ey.com
- ◀ **4. TỔ CHỨC TƯ VẤN PHÁT HÀNH: CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BÊ TA**
- Địa chỉ: 16 Nguyễn Trường Tộ, phường 12, quận 4, TP HCM.
- Điện thoại: (84-8) 3826 8999
- Fax: (84-8) 3943 4816
- Website: bsi.com.vn

MỤC LỤC

I.	CÁC NHÂN TỐ RỦI RO.....	7
1.	Rủi ro về kinh tế.....	7
2.	Rủi ro pháp luật	7
3.	Rủi ro cạnh tranh.....	8
4.	Rủi ro đặc thù.....	8
5.	Rủi ro biến động giá cổ phiếu.....	8
6.	Rủi ro pha loãng giá cổ phiếu	8
7.	Rủi ro khác.....	10
II.	NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN.....	10
1.	Tổ chức phát hành.....	10
2.	Tổ chức tư vấn phát hành	10
III.	CÁC KHÁI NIỆM	10
IV.	TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH	10
1.	Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển	12
1.1.	Lịch sử hình thành và phát triển	12
1.1.1	Năm 1994 - 2005 : Giai đoạn vượt qua khó khăn, củng cố	12
1.1.2	Năm 2006 : Bắt đầu phát triển	12
1.1.3	Năm 2007 : Tiếp tục phát triển có định hướng	12
1.1.4	Năm 2008 -2009: Tiếp tục phát triển có định hướng.....	13
1.2.	Các thông tin cơ bản về Ngân hàng	13
2.	Quá trình tăng vốn điều lệ	14
2.1	Quá trình tăng vốn điều lệ	14
2.2	Cơ cấu vốn cổ phần	15
3.	Cơ cấu tổ chức của Ngân hàng	16
3.1	Sơ đồ tổ chức	16
3.2.	Cơ cấu bộ máy quản lý của Ngân hàng.Đại hội Đồng cổ đông	17
3.2.1	Hội đồng Quản trị.....	17
3.2.2	Ban kiểm soát.....	17
3.3	Cơ cấu bộ máy điều hành của Ngân hàng	17
3.3.1	Ban điều hành	17
3.3.2	Khối hỗ trợ điều hành.....	17

3.3	Các Chi nhánh.....	20
3.4	Mạng lưới hoạt động của Ngân hàng TMCP Gia Định	21
4.	Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Ngân hàng	22
5.	Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký phát hành, những công ty mà tổ chức đăng ký phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành	23
6.	Hoạt động kinh doanh	23
6.1	Sản phẩm, dịch vụ của Ngân hàng.....	23
6.1.1	Sản phẩm tiền gửi	23
6.1.2	Sản phẩm tín dụng	23
6.1.3	Các dịch vụ khác	24
6.2	Huy động vốn.....	24
6.2.1	Theo kỳ hạn huy động.....	25
6.2.2	Theo đối tượng huy động.....	25
6.3	Hoạt động tín dụng.....	25
6.3.1	Theo đối tượng cho vay	26
6.3.2	Theo loại hình cho vay	27
6.3.3	Tình hình hoạt động tín dụng	27
6.4	Hoạt động kinh doanh ngoại tệ và thanh toán	28
6.5	Hoạt động ngân hàng đại lý.....	28
6.6	Hoạt động ngân quỹ và thanh toán trong nước.....	29
6.7	Hoạt động đầu tư tài chính.....	29
6.8	Quản lý rủi ro và bảo toàn vốn	29
7.	Thị trường hoạt động.....	30
7.1	Mạng lưới chi nhánh	30
7.2	Mạng lưới khách hàng và các loại dịch vụ cho khách hàng.....	30
8.	Thị phần và khả năng cạnh tranh	31
8.1	Hệ thống Ngân hàng Việt Nam.....	31
8.2	Ngân hàng TMCP Gia Định	33
8.3	Các chỉ tiêu phát triển của GDB trong giai đoạn 2010-2012	33
8.3.1	Trong năm 2009	33
8.3.2	Giai đoạn 2010 – 2012	35
8.4	Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong 03 năm gần nhất.....	35
8.4.1	Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của Ngân hàng	35

8.4.2 Một số chỉ tiêu về kết quả hoạt động kinh doanh	37
8.5 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Ngân hàng trong năm báo cáo	37
8.6 Vị thế của Ngân hàng so với các ngân hàng khác trong cùng địa bàn.....	38
8.7 Những cơ hội và thách thức.....	39
8.7.1 Cơ hội.....	39
8.7.2 Thách thức.....	39
9. Triển vọng phát triển của ngành	40
10. Chính sách đối với người lao động	41
10.1 Số lượng người lao động	41
10.2 Chính sách đào tạo, lương, thưởng, trợ cấp, các chế độ khác	42
10.2.1 Chính sách đào tạo.....	42
10.2.2 Chính sách lương, thưởng	42
10.2.3 Chính sách đãi ngộ.....	42
10.2.4 Chính sách trợ cấp	43
10.2.5 Các chế độ chính sách khác đối với người lao động	43
11. Chính sách cổ tức	43
12. Tình hình hoạt động tài chính	43
12.1 Quy mô vốn.....	43
12.2 Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.....	43
12.3 Khả năng thanh khoản	44
12.4 Tài sản.....	44
12.5 Chi phí xây dựng cơ bản đang thực hiện đến 31/12/2009.....	45
12.6 Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức	45
13. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều Hành	46
13.1 Danh sách Hội đồng Quản trị	46
13.2 Danh sách Ban kiểm soát.....	50
15. Ban Điều Hành.....	52
IV. CHỨNG KHOÁN ĐĂNG KÝ	
1. Loại cổ phiếu:	54
2. Mệnh giá 10.000 :	54
3. Tổng số chứng khoán đăng ký:.....	54
4. Đối tượng phát hành:.....	54
5. Phương án xử lý số cổ phần bán không hết.....	55

6.	Thời gian phân phối	55
7.	Lịch trình phân phối cổ phiếu	55
8.	Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với nhà đầu tư nước ngoài.....	56
9.	Các loại thuế có liên quan.....	56
9.1	Thuế liên quan đến tổ chức phát hành chứng khoán.....	56
9.2	Thuế liên quan đến hoạt động giao dịch chứng khoán	56
V. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN		
1	Mục đích chào bán:	57
2	Kết quả thu được và Kế hoạch sử dụng vốn.....	57
2.1	Đầu tư cơ sở vật chất, công nghệ, TSCĐ	58
2.2	Bổ sung vốn kinh doanh và nguồn vốn trung dài hạn.....	58
VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT CHÀO BÁN		
1.	Tổ chức kiểm toán.....	58
2.	Tổ chức tư vấn phát hành	58
VII. PHỤ LỤC		
1.	Phụ lục I: Điều lệ Ngân hàng TMCP Gia Định	58
2.	Phụ lục II: Những văn bản pháp luật liên quan đến tổ chức phát hành	59
3.	Phụ lục III: Các báo cáo tài chính.	59

BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN



I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

Ngân hàng là một loại hình kinh doanh đặc biệt, mà trong đó tồn tại nhiều yếu tố nhạy cảm, chịu chi phối bởi các yếu tố như tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế Quốc gia và Thế Giới, tổng sản phẩm quốc nội (GDP), sản phẩm quốc nội trên đầu người, đầu tư nước ngoài, chỉ số tiêu dùng, hệ số lạm phát, tâm lý của người gửi tiền... Do vậy, Ngân hàng Nhà nước đã phải xây dựng những quy định nghiêm ngặt đối với các tiêu chuẩn về các nhân sự được ứng cử vào Hội đồng Quản trị, Ban lãnh đạo của các Ngân hàng thương mại. Những nhà Quản trị Ngân hàng không chỉ phải đòi hỏi về trình độ chuyên môn và học vấn cao mà còn có kinh nghiệm quản lý trong ngành lâu năm, có kiến thức về quản trị rủi ro, thường xuyên cập nhật các thông tin kinh tế, có hệ thống kiểm soát và kiểm toán nội bộ hiệu quả. Trong bối cảnh hội nhập thị trường tài chính và hoạt động dịch vụ tài chính ngân hàng ngày càng phát triển mạnh mẽ, cạnh tranh khốc liệt hơn, do vậy đòi hỏi ngành ngân hàng cần có những cải cách để nâng cao năng lực quản trị rủi ro trong từng hoạt động dịch vụ. Các loại rủi ro mà các ngân hàng nói chung và đối với Ngân hàng TMCP Gia Định nói riêng thường phải đối đầu trong quá trình hoạt động kinh doanh của mình có thể kể đến như sau:

1. Rủi ro về kinh tế

Sự tăng trưởng hay suy thoái của nền kinh tế ảnh hưởng rất lớn đến toàn bộ hoạt động của nền kinh tế đó đặc biệt là đối với lĩnh vực tài chính- tiền tệ là một trong số ngành dịch vụ có độ nhạy cảm cao. Bất kỳ một sự thay đổi nào nhỏ nào tác động từ bên ngoài như lạm phát cao, hay tốc độ tăng trưởng mạnh, xu thế tiêu dùng giảm... cũng ảnh hưởng đến thị trường tài chính và ảnh hưởng trực tiếp tới hoạt động kinh doanh của các ngân hàng thương mại.

Năm 2008-2009 suy thoái kinh tế thế giới đã tác động rõ nét tới nền kinh tế nước ta, nhất là trong lĩnh vực xuất nhập khẩu. Trong lĩnh vực tài chính các NHTM đã phải đối mặt với vấn đề thanh khoản, lãi suất, tỷ giá... Năm 2009 chỉ số giá tiêu dùng bình quân tăng lên 6,88% so với năm 2008, các mặt hàng lương thực tăng giá mạnh nhất với mức tăng 6,88%. Nhóm hàng ăn, dịch vụ ăn uống và giao thông là những nhóm có mức tăng giá cao với hơn 2%. Riêng nhà ở, vật liệu xây dựng cũng có mức tăng khá mạnh với 1,4%. Có thể nói, trong năm 2009, Chính phủ đã thành công trong việc kiềm chế lạm phát dưới 7%. Tuy nhiên, việc chỉ số CPI trong tháng 12/2009 tăng mạnh và vẫn đang tiếp tục xu hướng tăng khiến nhiều chuyên gia kinh tế lo ngại, lạm phát có thể quay lại bất cứ lúc nào. Ngoài ra, trong năm 2009 giá vàng và USD biến động rất mạnh. Cụ thể, trong tháng 12, giá vàng tăng 10,49% so với tháng 11/2009, đây chỉ số giá vàng năm 2009 tăng 19,16% so với năm 2008. Tháng 12/2009, giá USD tăng 3,19% so với tháng trước đó, đây chỉ số giá USD năm 2009 tăng 9,17% so với năm 2008.

2. Rủi ro pháp luật

Rủi ro luật pháp là rủi ro phát sinh do việc không áp dụng kịp thời, không đúng các

văn bản pháp luật đối với hoạt động ngân hàng.

Hệ thống pháp luật của Việt Nam hiện nay còn thiếu tính ổn định và chưa nhất quán, một số văn bản hướng dẫn thi hành chưa đầy đủ, thiếu tính cập nhật, chồng chéo. Việc áp dụng pháp luật vào thực tế cuộc sống còn nhiều bất cập, tính thực thi chưa cao, do vậy sẽ ảnh hưởng đến công tác hoạch định chiến lược phát triển dài hạn.

3. Rủi ro cạnh tranh

GDB hiện đang chịu áp lực cạnh tranh ngày càng tăng từ các ngân hàng thương mại Việt Nam và các chi nhánh ngân hàng nước ngoài, các ngân hàng liên doanh hoạt động tại Việt Nam. Việc mở cửa thị trường tài chính trong cam kết khi Việt Nam chính thức gia nhập WTO và theo các hiệp định thương mại... đã và đang tạo sức cạnh tranh từ các ngân hàng nước ngoài sẽ tăng mạnh cho các ngân hàng thương mại trong nước.

4. Rủi ro đặc thù

Ngân hàng chịu nhiều rủi ro khác nhau. Rủi ro ngân hàng bao gồm 4 loại rủi ro cơ bản gồm rủi ro tín dụng phát sinh từ phía khách hàng vay và do việc đối tác không thực hiện nghĩa vụ đến hạn của mình đối với GDB. Rủi ro thanh khoản phát sinh do ngân hàng không có khả năng thanh toán hoặc phải huy động nguồn vốn có chi phí quá cao để đáp ứng khả năng thanh toán. Rủi ro thị trường phát sinh do những thay đổi bất thường về giá như lãi suất, tỷ giá, giá chứng khoán do ngân hàng nắm giữ và các tài sản khác do ngân hàng nắm giữ trong quá trình hoạt động kinh doanh dưới dạng tài sản đảm bảo hoặc các loại khác và rủi ro lớn nhất bởi các hoạt động tín dụng vẫn là hoạt động chủ yếu của các ngân hàng thương mại Việt Nam.

5. Rủi ro biến động giá cổ phiếu.

Thị trường chứng khoán luôn luôn biến động do chịu ảnh hưởng của thị trường chứng khoán thế giới, các chính sách vĩ mô tác động đến nền kinh tế, và tác động trực tiếp vào thị trường chứng khoán. Do đó, biến động giá cổ phiếu trong những trường hợp nhạy cảm là rất lớn, ảnh hưởng đến giá trị của các cổ phiếu do Ngân hàng phát hành.

Khi GDB được phát hành và thực hiện giao dịch trên sàn chứng khoán, giá cổ phiếu sẽ được xác định dựa trên quan hệ cung cầu của thị trường và chịu ảnh hưởng bởi các yếu tố: tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình kinh tế, chính trị, xã hội, những thay đổi về quy định chứng khoán và thị trường chứng khoán cũng có thể ảnh hưởng đến giá cả chứng khoán của ngân hàng.

6. Rủi ro pha loãng giá cổ phiếu:

- ❖ Tổng số cổ phần chào bán: 200.000.000 (hai trăm triệu cổ phần)

Đợt 1: Tăng vốn từ 1.000 tỷ đồng lên 2.000 tỷ đồng

- a) Phát hành 3.593.000 cổ phiếu thưởng, tương đương 35,93 tỷ đồng:
- b) Phát hành 96.407.000 cổ phiếu, tương đương 964,070 tỷ đồng:
 - Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần.
 - Đối tượng phát hành: cho cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại ngày chốt danh sách cổ đông sau khi có chấp thuận của NHNN và UBCKNN.

Đợt 2: Tăng vốn từ 2.000 tỷ đồng lên 3.000 tỷ đồng

Số lượng cổ phần chào bán: 100.000.000 cổ phần và số cổ phần còn lại chưa phát hành của giai đoạn 1 bao gồm số cổ phiếu thưởng bị hủy (do làm tròn xuống) và số cổ phần do cổ đông không thực quyền mua nhưng chưa được chào bán hết. Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho HĐQT quyết định số lượng cụ thể để đảm bảo mức vốn điều lệ đạt 3.000 tỷ đồng.

- Giá chào bán dự kiến: 10.000 đồng/cổ phần.
- ⇒ Như vậy, số lượng cổ phiếu chào bán thêm trong năm 2010 là 200.000.000 cổ phần (hai trăm triệu cổ phần), bằng 200 % lượng cổ phần của Ngân hàng hiện đang lưu hành trên thị trường (100.000.000 cổ phần) trong đó chỉ phát hành cho cổ đông hiện hữu. Sau khi lượng cổ phiếu chào bán này chính thức được đưa vào giao dịch trên thị trường nhà đầu tư nên lưu ý một số vấn đề sau:
- Thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phần (EPS) tại thời điểm 31/12/2009:

$$\text{EPS} = \frac{\text{Lãi chia cho cổ đông}}{\text{Số lượng cổ phần đang lưu hành bình quân trong kỳ}}$$

$$\text{EPS} = \frac{54.627.000.000}{100.000.000} = 546 \text{ đồng/cổ phiếu}$$

- Giá trị sổ sách 1 cổ phần (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần)

$$\text{Giá trị sổ sách 1 cổ phần} = \frac{\text{Nguồn vốn chủ sở hữu, nguồn kinh phí và các quỹ khác}}{\text{Số cổ phần đã phát hành, Cổ phiếu quỹ}}$$

Tuy nhiên, rủi ro từ việc cổ phiếu bị pha loãng sẽ được hạn chế nếu như GDB sử dụng tối ưu nguồn vốn huy động và duy trì tốt hoạt động sau đợt phát hành.

- ◆ Điều chỉnh kỹ thuật giá cổ phiếu của GDB trên thị trường:

Mặc dù cổ phiếu GDB chưa niêm yết chính thức trên thị trường, tuy nhiên nhà đầu tư cũng cần lưu ý việc giá cổ phiếu có thể được điều chỉnh kỹ thuật trong phạm vi nhất định, có thể tham khảo công thức qua được tính như sau:

$$P = \frac{P_{(t-1)} + (I \times PR)}{1 + I} \Leftrightarrow \frac{12.000 + (200.000.000 + 10.000)}{1 + 200.000.000}$$

$$P = 10.000 \text{ đồng.}$$

- * Ghi chú: do hiện nay cổ phiếu GDB chưa niêm yết nên chỉ số giá tham khảo chưa xác định được.
- P: là giá thị trường tham khảo của cổ phiếu sau khi bị pha loãng.
- $P_{(t-1)}$: là giá thị trường tham khảo của cổ phiếu trước khi bị pha loãng.
- I: là tỷ lệ vốn tăng là 2000 tỷ đồng.

- PR: là giá cổ phiếu chào bán cho người nắm giữ quyền mua cổ phiếu trong đợt phát hành.

Thực tế GDB chỉ phát hành cho đối tượng duy nhất là cổ đông hiện hữu do đó sẽ không làm điều chỉnh kỹ thuật giá cổ phiếu nhưng về mặt bản chất sẽ phần nào làm pha loãng chỉ số EPS và giá trị sổ sách của Ngân hàng.

7. **Rủi ro khác:**

Ngoài các rủi ro đã trình bày ở trên, GDB cũng chịu ảnh hưởng của các rủi ro khác liên quan đến các trường hợp bất khả kháng như: động đất, lũ lụt,.....mà khi xảy ra có thể gây thiệt hại tài sản của ngân hàng như động đất làm sập nhà cửa, thiết bị làm việc (hệ thống máy tính, thiết bị văn phòng...). Đây là rủi ro ít gặp trong thực tế nhưng khi xảy ra thường gây thiệt hại rất lớn về vật chất mà không thể ngăn chặn được, sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động kinh doanh chung của ngân hàng.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÔNG BỐ THÔNG TIN

1. **Tổ chức phát hành:**

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN GIA ĐỊNH

Ông Ngô Quang Trung

Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Bà Phạm Thị Mỹ Chi

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc thường trực

2. **Tổ chức tư vấn phát hành:**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BÊ TA (BSI)

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn Thiên

Chức vụ:

Tổng Giám đốc

Bản công bố thông tin này do Công ty Cổ phần Chứng khoán Bê ta (BSI) lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Ngân hàng TMCP Gia Định (GDB). Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản công bố thông tin này đã được thực hiện một cách hợp lý, cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin, số liệu do Ngân hàng TMCP Gia Định cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM

Trong Bản cáo bạch này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. "Ngân hàng": là Ngân hàng Thương mại Cổ phần Gia Định được thành lập theo Giấy phép hoạt động số 0025/NH-GP do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 22/08/1992
2. "Nợ quá hạn": là khoản nợ mà một phần hoặc toàn bộ nợ gốc và/hoặc lãi đã quá hạn.
3. "Nợ nhóm 1": hay còn gọi là Nợ đủ tiêu chuẩn, bao gồm các khoản nợ trong hạn hoặc các khoản nợ quá hạn dưới 10 ngày mà tổ chức tín dụng đánh giá là có đủ khả năng thu hồi đầy đủ cả gốc và lãi đúng hạn.
4. "Nợ nhóm 2": hay còn gọi là Nợ cần chú ý, bao gồm:

- Các khoản nợ quá hạn từ 10 ngày đến 90 ngày.
- Các khoản nợ điều chỉnh kỳ hạn trả nợ lần đầu.
- 5. “Nợ nhóm 3”: hay còn gọi là Nợ dưới tiêu chuẩn, bao gồm:
 - Các khoản nợ quá hạn từ 91 ngày đến 180 ngày.
 - Các khoản nợ điều chỉnh kỳ hạn trả nợ lần đầu, trừ các khoản nợ điều chỉnh kỳ hạn trả lần đầu phân vào nhóm 2.
 - Các khoản nợ được miễn hoặc giảm lãi do khách hàng đủ khả năng trả lãi đầy đủ theo hợp đồng tín dụng.
- 6. “Nợ nhóm 4”: hay còn gọi là Nợ nghi ngờ, bao gồm:
 - Các khoản nợ quá hạn từ 181 đến 360 ngày.
 - Các khoản nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu quá hạn dưới 90 ngày theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần đầu.
 - Các khoản nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần 2.
- 7. “Nợ nhóm 5”: hay còn gọi là Nợ có khả năng mất vốn, bao gồm
 - Các khoản nợ quá hạn trên 360 ngày.
 - Các khoản nợ khoanh chờ xử lý;
 - Các khoản nợ đã cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu quá hạn từ 90 ngày trở lên theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần đầu.
 - Các khoản nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần hai quá hạn theo thời hạn trả nợ lần thứ hai.
 - Các khoản nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ ba trở lên, kể cả chưa bị quá hạn hoặc đã quá hạn.

Các từ hoặc nhóm từ viết tắt trong Bản cáo bạch này có nội dung như sau:

- HĐQT Hội đồng Quản trị
- BKS Ban kiểm soát
- BDH Ban điều hành
- BTGD Ban Tổng Giám đốc
- BTA Bilateral Trade Agreement – Hiệp định thương mại Việt Mỹ
- CAR Capital Adequacy Ratio – Chỉ số an toàn vốn
- CBCNV Cán bộ công nhân viên
- CNĐKKD Chứng nhận đăng ký kinh doanh
- GDP Gross domestic product – Tổng sản phẩm nội địa
- GDB Ngân hàng TMCP Gia Định
- L/C Letter of Credit – Thư tín dụng
- ATM Automated Teller Machine – Máy rút tiền tự động
- HTXTD Hợp tác xã tín dụng

- NHNN Ngân hàng Nhà nước Việt Nam
- UBCKNN Ủy ban chứng khoán Nhà nước
- UBND Ủy ban nhân dân
- ROA Return on Asset – Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản
- ROE Return on Equity – Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu
- TMCP Thương mại cổ phần
- TNHH Trách nhiệm hữu hạn
- TSCĐ Tài sản cố định
- TTGDCK Trung tâm Giao dịch Chứng khoán
- WTO World Trade Organisation – Tổ chức thương mại thế giới
- XNK Xuất nhập khẩu.

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1 Lịch sử hình thành và phát triển

Ngân hàng thương mại cổ phần Gia Định (dưới đây được gọi là Ngân hàng Gia Định) được thành lập và hoạt động theo giấy phép số 0025/NH-GP ngày 22/08/1992 do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước cấp, giấy phép số 576/GP-UB ngày 08/10/1992 do Ủy Ban Nhân Dân Tp HCM cấp.

1.1.1 Năm 1994 - 2005 : Giai đoạn vượt qua khó khăn, củng cố

- GDB từng bước vượt qua khó khăn, dần ổn định và phát triển trong giai đoạn từ 1994-2005.
- Năng lực tài chính ngày càng được nâng cao với mức vốn điều lệ tăng lên 80 tỷ đồng.
- Mạng lưới: 05 điểm giao dịch (01 Trụ sở chính, 02 Chi nhánh, 02 Phòng giao dịch).

1.1.2 Năm 2006: Bắt đầu phát triển

- Tăng vốn điều lệ lên 210 tỷ đồng
- Mạng lưới: 06 điểm giao dịch (01 Trụ sở chính, 02 Chi nhánh, 03 Phòng giao dịch).
- Khánh thành trụ sở chính tại 135 Phan Đăng Lưu, Q. Phú Nhuận, TP.HCM
- Được xếp hạng 19/29 Ngân hàng thương mại trên cả nước về mức độ sẵn sàng cho phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin do Hội Tin học Việt Nam bầu chọn.

1.1.3 Năm 2007: Tiếp tục phát triển có định hướng

- Tăng vốn điều lệ lên 444,623 tỷ đồng
- Mạng lưới: 11 điểm giao dịch (01 Trụ sở chính, 05 Chi nhánh, 05 Phòng giao dịch).
- Ký kết Thỏa thuận đầu tư và hợp tác chiến lược với Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank), theo đó VietcomBank luôn duy trì tỷ lệ sở hữu vốn cổ phần 30% và trở thành cổ đông chiến lược duy nhất của Ngân hàng Gia Định, cùng những

- cam kết hỗ trợ toàn diện nhằm đưa Ngân hàng Gia Định trở thành ngân hàng thương mại có khả năng cạnh tranh cao tại Việt Nam.
- Mở rộng mạng lưới hoạt động tại các thành phố lớn của các khu vực Miền Bắc, Miền Nam, Miền Tây và Tây Nguyên.
 - Được Hiệp hội Doanh nghiệp nhỏ và vừa Việt Nam, Liên minh các HTX Việt Nam, Hội Khoa học Đông Nam Á phối hợp với mặt trận tổ quốc Việt Nam trao tặng “Cúp vàng thương hiệu và nhãn hiệu” lần 2 năm 2007.
 - Được Hiệp hội Ngân hàng Việt Nam tặng giấy khen năm 2007.
 - Được Viện quản lý tri thức và công nghệ, Trung tâm nghiên cứu Châu Á Thái Bình Dương, Tòa soạn thông tin QCA Thương mại chứng nhận danh hiệu doanh nghiệp Việt Nam uy tín, chất lượng 2007.

1.1.4 Năm 2008 -2009: Tiếp tục phát triển có định hướng

- Ngày 14/2/2008, Ngân hàng đã tăng vốn điều lệ từ 444.623.000.000 đồng lên 500.000.000.000 đồng theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 11 số 059036 ngày 14/2/2008 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh, Giấy chứng nhận chấp thuận của Ủy ban chứng khoán Nhà nước số 218/UBCK-GCN ngày 20/11/2007 và Công văn chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh số 1201/NHNN-HCM02 ngày 9/8/2007.
- Ngày 18/12/2008, Ngân hàng đã tăng vốn điều lệ từ 500.000.000.000 đồng lên 1.000.000.000.000 đồng theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 15 số 059036 ngày 30/12/2008 của Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh, Giấy chứng nhận chấp thuận của Ủy ban chứng khoán Nhà nước số 352/UBCK-GCN ngày 07/11/2008 và Công văn chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh số 1774/NHNN-HCM02 ngày 06/10/2008.
- Mạng lưới hoạt động ngày càng mở rộng từ 05 điểm giao dịch năm 2005 (01 Trụ sở, 02 Chi nhánh, 02 Phòng giao dịch) lên 28 điểm giao dịch năm 2009 (01 Trụ sở, 07 Chi nhánh, 20 Phòng giao dịch).
- Các cổ đông lớn của GDB là các ngân hàng thương mại có uy tín. Ngày 18/09/2007 GDB ký kết thỏa thuận hợp tác với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, đánh dấu bước ngoặt mới cho sự phát triển có định hướng của GDB. Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam trở thành cổ đông chiến lược đã hỗ trợ tích cực về mọi mặt trong hoạt động của GDB: năng lực tài chính, quản trị điều hành, công nghệ thông tin,...

1.2 Các thông tin cơ bản về Ngân hàng

- Tên tổ chức: **NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN GIA ĐỊNH**
- Tên tiếng Anh: **GIADINH COMMERCIAL JOINT STOCK BANK**
- Tên viết tắt tiếng Anh: **GIA DINH BANK**
- Tên viết tắt: **NGÂN HÀNG GIA ĐỊNH**
- Logo:



1. Vốn điều lệ: 1.000.000.000.000 đồng
2. Trụ sở chính: 112-114-116-118 Hai Bà Trưng, phường Đa Kao, Q 1, TP.HCM
3. Điện thoại: (08) 6267 9679 Fax: (08) 6263 8668
4. Website: www.giadinhhbank.com.vn
5. Email: giadinhhbank@giadinhhbank.com.vn
6. Giấy phép thành lập: Số 576/GP-UB ngày 08/10/1992 của UBND TP. HCM
7. Giấy phép hoạt động: Số 0025/NH-GP ngày 22/08/1992 của NHNN
8. Giấy CNĐKKD: Số 059036 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp (đăng ký lần đầu ngày 16/10/1992, đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 29/7/2010)
9. Mã số thuế: 0301378892
10. Tài khoản tiền gửi: Số 4531.00.814 tại NHNN Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh
11. Ngành nghề kinh doanh:

Huy động vốn ngắn hạn, trung hạn, dài hạn dưới các hình thức tiền gửi có kỳ hạn, không kỳ hạn, chứng chỉ tiền gửi; Tiếp nhận vốn đầu tư và phát triển, vay vốn các tổ chức tín dụng khác; Cho vay ngắn hạn, trung và dài hạn; Bao thanh toán; Chiết khấu thương phiếu, trái phiếu và chứng từ có giá; Hùn vốn và liên doanh theo pháp luật hiện hành, làm dịch vụ thanh toán giữa các khách hàng; Kinh doanh ngoại tệ, vàng bạc, thanh toán quốc tế, huy động các loại vốn từ nước ngoài và các dịch vụ ngân hàng khác trong quan hệ với nước ngoài khi được Ngân hàng Nhà nước cho phép.

2. Quá trình tăng vốn điều lệ

2.1 Quá trình tăng vốn điều lệ

Bảng : Quá trình tăng vốn điều lệ của GDB

Stt	Văn bản pháp lý	Vốn thực góp (ngàn đồng)	Số tiền tăng (ngàn đồng)	Tốc độ tăng (%)
1	Giấy phép số 0025/NH-GP ngày 22/08/1992	460.000	0	
2	Quyết định số 108/QĐ-NH5 ngày 12/4/1995	25.960.000	25.500.000	5.543,48
3	Quyết định số 1738/NHN-HCM02 ngày 11/8/ 2005	80.000.000	54.040.000	208,17
4	Quyết định số 885/NHNN-HCM02 ngày 06/07/2006	166.040.000	86.040.000	107,55
5	Quyết định số 1803/NHNN-HCM02 ngày 26/12/2006	210.000.000	43.960.000	26,48
6	Quyết định số 599/NHNN-HCM02 ngày 25/4/2007	322.618.000	112.618.000	53,63

7	Quyết định số 1201/NHNN-HCM02 ngày 09/08/2007	444.623.000	122.005.000	37,82
8		500.000.000	55.377.000	12,45
9	Quyết định số 1774/NHNN-HCM02 ngày 06/10/2008	1.000.000.000	500.000.000	50

2.2 Cơ cấu vốn cổ phần

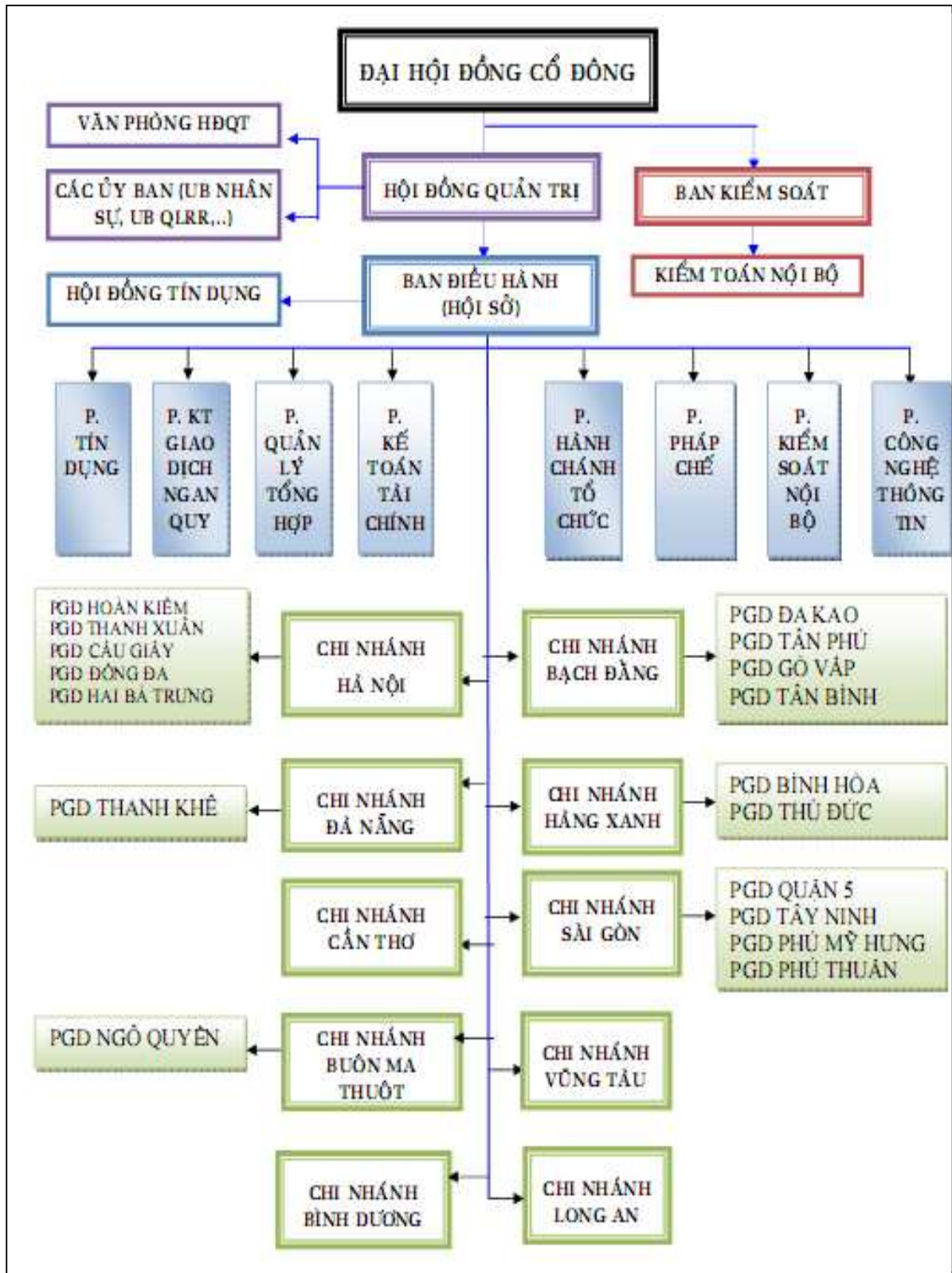
Bảng : Cơ cấu vốn cổ phần của GDB tính đến thời điểm 31/3/2010

Stt	Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ (%)
1	Nhà nước	0			
2	Trong Ngân hàng				
	- HDQT, BTGD, BKS	6	21.819.518	218.195.180.000	21,82 %
	- CBCNV	131	1.628.764	16.287.640.000	1,63 %
3	Ngoài Ngân hàng				
	- Pháp nhân	15	42.458.361	424.583.610.000	42,46 %
	- Đoàn thể				
	- Thẻ nhân	1.570	34.093.357	340.933.570.000	34,09 %
	Tổng cộng	1.722	100.000.000.000	1.000.000.000.000	100 %

3. Cơ cấu tổ chức của Ngân hàng

3.1 Sơ đồ tổ chức

Biểu đồ 1: Sơ đồ tổ chức của GDB



3.2. Cơ cấu bộ máy quản lý của Ngân hàng

3.2.1 Đại hội Đồng cổ đông

Là cơ quan quyết định cao nhất của GDB. Đại hội cổ đông có nhiệm vụ thông qua các báo cáo của Hội đồng quản trị; thông qua, bổ sung, sửa đổi điều lệ; quyết định tăng giảm vốn điều lệ; thông qua định hướng phát triển trung và dài hạn; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và quyết định bộ máy tổ chức của ngân hàng... và các quyền khác được nêu trong Điều lệ của Ngân hàng.

3.2.2 Hội đồng Quản trị

Là cơ quan quản lý cao nhất của ngân hàng, có toàn quyền nhân danh GDB để quyết định mọi vấn đề quan trọng liên quan đến mục đích, quyền lợi của GDB, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị của GDB gồm 06 thành viên.

3.2.3 Ban kiểm soát

Số thành viên của BKS gồm 03 thành viên. BKS là cơ quan kiểm tra hoạt động tài chính của GDB, giám sát việc chấp hành chế độ hạch toán, hoạt động của hệ thống kiểm tra và kiểm toán nội bộ của Ngân hàng...

3.3 Cơ cấu bộ máy điều hành của Ngân hàng

3.3.1 Ban điều hành

Số thành viên của BDH gồm 04 thành viên. BDH là cơ quan chỉ đạo, điều hành hoạt động kinh doanh của Ngân hàng; thông qua đó kiểm tra, đánh giá việc thực hiện của các chi nhánh về các chỉ tiêu, công tác do BDH giao. Giúp việc cho Tổng Giám đốc có các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và bộ máy chuyên môn nghiệp vụ.

3.3.2 Khối hỗ trợ điều hành

a) Phòng Quản lý tổng hợp:

- Nghiên cứu, khảo sát và tham mưu trong việc xây dựng, thực hiện và điều chỉnh các mục tiêu chiến lược phát triển của Ngân hàng và định hướng phát triển, kinh doanh cho các đơn vị trực thuộc Ngân hàng trong từng thời kỳ.
- Lập kế hoạch kinh doanh, tài chính và kế hoạch công tác năm của toàn Ngân hàng.
- Theo dõi tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh và đề xuất các biện pháp khắc phục khó khăn trong quá trình thực hiện kế hoạch của toàn Ngân hàng.
- Quản lý hoạt động Marketing và phát triển thương hiệu của ngân hàng qua các kênh quảng cáo phù hợp với định hướng chiến lược kinh doanh của ngân hàng, cụ thể như : thực hiện các chương trình quảng cáo sản phẩm, thương hiệu GDB ; Hoạch định và quản lý chiến lược Marketing: bao gồm thị trường, khách hàng mục tiêu, thương hiệu, hình ảnh ngân hàng; Nghiên cứu quản lý các kênh quảng cáo;...

b) Phòng công nghệ thông tin:

- Thu thập, xử lý và lưu trữ thông tin
- Phụ trách hệ thống tin học trong toàn hệ thống.
- Nghiên cứu xây dựng các chương khai thác số liệu phục vụ công tác quản trị điều

hành và báo cáo.

- Tư vấn cho Ban điều hành về các hệ thống phần mềm mới và chịu trách nhiệm trong việc triển khai lắp đặt và sử dụng các hệ thống phần mềm.

c) Phòng kiểm tra Kiểm soát nội bộ

- Giám sát, kiểm tra nghiệp vụ ngân hàng trong toàn hệ thống trên cơ sở các văn bản chế độ của Nhà nước, Ngân hàng nhà nước và GDB.
- Tư vấn cho Tổng Giám đốc và phối hợp với các Phòng ban nghiệp vụ trong công tác triển khai các văn bản chế độ của Nhà nước, Ngân hàng Nhà nước có liên quan đến hoạt động Ngân hàng.
- Tham gia nghiên cứu soạn thảo hoặc chỉnh sửa, bổ sung các quy chế, quy trình nghiệp vụ của GDB.

d) Phòng Hành chánh - Tổ chức

- Xây dựng và triển khai thực hiện quy hoạch nhân sự và kế hoạch nhân sự hàng năm, bao gồm tổ chức tuyển dụng, sắp xếp bố trí nhân sự cho các đơn vị trực thuộc ngân hàng, tổ chức các khóa đào tạo trong nội bộ ngân hàng và đề xuất nhân sự tham gia các khóa huấn luyện do các đơn vị ngoài cơ quan tổ chức.
- Xây dựng chiến lược đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ kế thừa cho toàn hệ thống ngân hàng.
- Tổ chức quản lý hồ sơ nhân viên của toàn ngân hàng, cập nhật đầy đủ và kịp thời vào hồ sơ nhân viên các thay đổi có liên quan như nơi cư trú, gia đình, đào tạo, khen thưởng, kỷ luật,....
- Trực tiếp theo dõi kiểm tra tình hình thực hiện nội quy cơ quan và phong cách phục vụ khách hàng của cán bộ nhân viên trong toàn Ngân hàng.
- Phụ trách công tác tiền lương, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và các chế độ khác cho toàn thể cán bộ công nhân viên ngân hàng.

e) Phòng Tín dụng:

- Thực hiện các nghiệp vụ cấp tín dụng của ngân hàng, bao gồm: cho vay ngắn hạn, cho vay trung và dài hạn; cho vay cầm cố sổ tiết kiệm; các nghiệp vụ bảo lãnh; nghiệp vụ chiết khấu, tái chiết khấu chứng từ có giá.
- Thực hiện nghiệp vụ thanh toán xuất nhập khẩu.
- Thực hiện tài trợ du học.
- Thực hiện các dịch vụ địa ốc như dịch vụ thanh toán mua bán nhà qua ngân hàng.
- Dịch vụ môi giới bất động sản.
- Dịch vụ thủ tục hành chính về nhà đất như chuyển quyền sở hữu nhà, chuyển quyền sử dụng đất, hợp thức hóa quyền sở hữu nhà, cấp đổi giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà.
- Đề xuất và thực hiện các biện pháp xử lý các khoản nợ quá hạn, trễ hạn.
- Kiểm tra sử dụng vốn định kỳ và đột xuất khi cho vay.
- Đôn đốc khách hàng trả vốn, lãi đúng kỳ hạn.

- Thu thập các ý kiến đóng góp của khách hàng về công tác tín dụng, nghiên cứu việc thực hiện các sản phẩm cùng loại của ngân hàng khác trên địa bàn để đề xuất các biện pháp cải tiến nhằm tăng cường năng lực cạnh tranh.
- Cung cấp thông tin tín dụng cho phòng kinh doanh và các phòng giao dịch.
- Tham mưu nghiệp vụ tín dụng toàn hệ thống cho Ban Tổng giám đốc.

f) Phòng Kế toán tài chính

- Thiết lập hệ thống sổ sách, chứng từ, báo biểu kế toán thống nhất trong toàn Ngân hàng theo đúng quy định của pháp luật.
- Hướng dẫn và kiểm tra thực hiện các nguyên tắc, phương thức thiết lập các chứng từ ban đầu, chứng từ kế toán, việc định khoản và các báo biểu thống kê phục vụ cho yêu cầu hạch toán kế toán và báo cáo thống kê của Ngân hàng.
- Thực hiện công tác kế toán nội bộ Ngân hàng, thực hiện công tác quyết toán năm cho toàn Ngân hàng và các đơn vị trực thuộc Ngân hàng.
- Tham mưu và thực hiện các vấn đề về thuế và các khoản nộp ngân sách.
- Quản lý tài sản cố định của toàn Ngân hàng về mặt sổ sách.
- Tham gia kiểm kê định kỳ và đột xuất về tồn quỹ, các loại tài sản tại Hội sở, đồng thời kiểm tra việc kiểm kê định kỳ và đột xuất về tồn quỹ, các loại tài sản khác tại các đơn vị trực thuộc Ngân hàng.
- Thực hiện các báo cáo định kỳ và đột xuất cho Ngân hàng Nhà nước và các cơ quan có liên quan theo sự phân công của Tổng giám đốc.
- Soạn thảo các quy chế, chính sách, quy định, quy trình liên quan đến các nghiệp vụ do phòng thực hiện.

g) Phòng Kế toán giao dịch

- Nghiên cứu soạn thảo và triển khai thực hiện các quy chế, quy định, quy trình và hướng dẫn thực hiện về các hoạt động liên quan đến nghiệp vụ thanh toán của toàn hệ thống GDB.
- Triển khai và thực hiện có hiệu quả các hoạt động liên quan đến nghiệp vụ tiền gửi tiết kiệm, tiền gửi thanh toán, tiền giữ hộ, tiền vay, chuyển tiền, thu đổi ngoại tệ phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước và của GDB.
- Thực hiện việc mở, quản lý tài khoản của khách hàng bao gồm : tài khoản tiền gửi tiết kiệm, tiền gửi thanh toán, tài khoản tiền vay...theo đúng quy định kế toán.
- Thực hiện nghiệp vụ nhận gửi và thanh toán từ tài khoản khách hàng bằng tiền mặt (bao gồm tiền VND, ngoại tệ) hoặc thanh toán không dùng tiền mặt theo đúng quy định của Ngân hàng Nhà nước và GDB.
- Phối hợp với các phòng ban, các đơn vị trong hệ thống Ngân hàng để tổ chức thực hiện các dịch vụ ngân hàng liên quan đến nghiệp vụ thanh toán và ngân quỹ bao gồm: dịch vụ thanh toán thẻ visa, master card, thanh toán hộ điện, nước, dịch vụ chi hộ lương, dịch vụ xác nhận số dư trên tài khoản, dịch vụ hỗ trợ du học...

h) Phòng Ngân quỹ

- Quản lý an toàn tiền mặt, vàng bạc đá quý, chứng từ có giá và hồ sơ tài sản thế chấp đúng chế độ an toàn kho quỹ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.
- Thực hiện các công tác kiểm tra, kiểm soát, đối chiếu tồn kho và biện pháp phòng cháy chữa cháy, chống mối mọt, ẩm ướt...
- Thực hiện kiểm đếm và thu chi tiền mặt đối với khách hàng và đối với các đơn vị trực thuộc hệ thống Ngân hàng.

i) Phòng Pháp chế:

- Cập nhật, rà soát, đối chiếu và phổ biến kịp thời hệ thống các văn bản pháp luật có liên quan đến toàn bộ các hoạt động của ngân hàng.
- Soạn thảo, chỉnh sửa, lưu trữ các văn bản pháp luật có liên quan đến hoạt động ngân hàng (văn bản pháp quy, quy chế, quy định, quy trình,...) trên cơ sở đảm bảo sự thống nhất với hệ thống pháp quy ngân hàng và phù hợp với pháp luật hiện hành.
- Kiểm tra các tài liệu trước khi khởi kiện hoặc tham gia tố tụng tại các cơ quan pháp luật.
- Tư vấn hoặc trực tiếp tham gia tố tụng theo ủy quyền tại các cơ quan pháp luật nhằm đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho ngân hàng.
- Xây dựng và duy trì mối quan hệ với các cơ quan Nhà nước, ban ngành nhằm đạt được sự hỗ trợ trong công tác pháp lý và quá trình tham gia tố tụng.

3.4 Các Chi nhánh

- Huy động vốn ngắn hạn, trung và dài hạn dưới hình thức tiền gửi các loại pháp nhân, cá nhân trong nước và ngoài nước bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại tệ...theo quy định của Ngân hàng Nhà nước và của GDB.
- Cho vay ngắn hạn, trung và dài hạn bằng tiền đồng Việt Nam, ngoại tệ...đối với các tổ chức kinh tế và cá nhân trên địa bàn theo sự ủy nhiệm của Tổng Giám đốc và theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.
- Thực hiện và quản lý các nghiệp vụ bảo lãnh, thanh toán quốc tế khi được Tổng Giám đốc ủy nhiệm và theo đúng quy định của Ngân hàng Nhà nước và của GDB.
- Thực hiện và quản lý nghiệp vụ mua bán ngoại tệ, chi trả kiều hối, chuyển tiền nhanh, thẻ thanh toán khi có nhu cầu và được Tổng giám đốc ủy nhiệm, chi nhánh thực hiện nghiệp vụ mua bán vàng.
- Tổ chức thực hiện công tác hạch toán kế toán tại chi nhánh theo đúng chế độ của Nhà nước, của Ngân hàng nhà nước và của GDB.
- Chấp hành chế độ quản lý tiền tệ, kho quỹ theo đúng quy định của Ngân hàng Nhà nước và của GDB, bảo quản chứng từ có giá, giấy tờ thế chấp, cầm cố,...bảo đảm kho quỹ an toàn tuyệt đối. Thực hiện nghiệp vụ thu, chi tiền tệ.
- Quản lý tài sản bao gồm nhà cửa, xe cộ, máy móc, thiết bị phương tiện, dụng cụ làm việc.
- Quản lý nhân sự, có kế hoạch đào tạo đội ngũ cán bộ, nhân viên vừa hồng vừa

chuyên nhằm nâng cao uy tín phục vụ.

- Thực hiện chế độ bảo mật nghiệp vụ Ngân hàng như bảo mật về số liệu tồn quỹ, tài khoản ngân hàng, tài khoản tiền gửi khách hàng, bảng tổng kết tài sản...

3.5 Mạng lưới hoạt động của Ngân hàng TMCP Gia Định

Stt	Đơn vị	Địa chỉ	Số điện thoại
1	Hội sở	135 Phan Đăng Lưu, Phường 2, Quận Phú Nhuận, TP.HCM	(08) 39956001
2	Chi nhánh Bạch Đằng	473C Bạch Đằng, Phường 2, Quận Bình Thạnh, TP.HCM.	(08)38412146
3	Chi nhánh Hàng Xanh	10 Đinh Bộ Lĩnh, Phường 24, Quận Bình Thạnh, TP. HCM	(08) 35117207
4	Chi nhánh Sài Gòn	119 Nguyễn Thái Học, Quận 1, TP.HCM.	(08) 8385550
5	Chi nhánh Hà Nội	55 Đào Tấn, Quận Ba Đình, Hà Nội.	(04) 37667336
6	Chi nhánh Đà Nẵng	386 Hoàng Diệu, Quận Hải Châu, TP.Đà Nẵng.	(0511) 3584600
7	Chi nhánh Buôn Ma Thuột	186 Lê Duẩn, Phường Tân Thành, TP.Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk	(0500) 3958617
8	Chi nhánh Cần Thơ	135H – 135Y, Trần Hưng Đạo, Quận Ninh Kiều, TP.Cần Thơ.	(0710) 3733740
9	Chi nhánh Bình Dương	35 Phú Lợi, TX Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương	(065) 3556057
10	Chi nhánh Vũng Tàu	20G2 Nguyễn Thái Học, TP Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu	(064) 3616555
11	Chi nhánh Long An	13-15, Đường 5B, Phường 2, Thị Xã Tân An, Tỉnh Long An	(072) 3525512
12	Phòng giao dịch Hoàn Kiếm	24B Tôn Đản, Quận Hoàn Kiếm, TP.Hà Nội.	(04) 39366677
13	Phòng giao dịch Thanh Xuân	96 Nguyễn Trãi, Quận Thanh Xuân Bắc, TP.Hà Nội.	04) 35543869
14	Phòng giao dịch Cầu Giấy	25 Nguyễn Phong Sắc, Quận Cầu Giấy, TP.Hà Nội.	(04) 37549828

15	Phòng giao dịch Đống Đa	Nhà A1 Hoàng Cầu, Quận Đống Đa, TP.Hà Nội.	(04) 35738203
16	Phòng giao dịch Hai Bà Trưng	107 Phố Trần Đại Nghĩa, Quận Hai Bà Trưng, TP.Hà Nội.	(04) 36230715
17	Phòng giao dịch Bình Hòa	187 Nguyễn Văn Đậu, Phường 11, Quận Bình Thạnh, TP.HCM.	(08) 38411367
18	Phòng giao dịch Thủ Đức	108 Võ Văn Ngân, Quận Thủ Đức, TP HCM	(08) 37228255
19	Phòng giao dịch Tân Phú	430 Lũy Bán Bích, Phường Hòa Thạnh, Quận Tân Phú, TP.HCM.	(08) 54067295
20	Phòng giao dịch Đa Kao	66 Trần Quang Khải, Phường Tân Định, Quận 1, TP.HCM.	(08) 38483591
21	Phòng giao dịch Phú Thuận	1 Lô G, Nguyễn Văn Quỳ, Khu Phố 1, Nguyễn Văn Quỳ, Quận 7	(08) 37733412
22	Phòng giao dịch Gò Vấp	574 Quang Trung, Phường 11, Quận Gò Vấp, TP.HCM	(08) 39210935
23	Phòng giao dịch Tân Bình	767 Lạc Long Quân, Phường 10, Quận Tân Bình, TP HCM	(08) 62967778
24	Phòng giao dịch Tây Ninh	A11, Khu phố thương mại, đường 30/04, khu phố 1, phường 3, thị xã tây Ninh, Tỉnh Tây Ninh.	(066) 3818883
25	Phòng giao dịch Quận 5	82 Trần Hưng Đạo, Quận 5, TP HCM	(08) 39245116
26	Phòng giao dịch Phú Mỹ Hưng	SD – 06, lô H25-2, khu phố Mỹ Đức, Phường Tân Phong, Quận 7, TP HCM	(08) 54123047
27	Phòng giao dịch Thanh Khê	131 Điện Biên Phủ, Q. Thanh Khê, TP. Đà Nẵng	(0511) 3659076
28	Phòng giao dịch Ngô Quyền	62 Ngô Quyền, P. Tân Lợi, TP. Buôn Ma Thuột	(0500)3843195

4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Ngân hàng

Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Ngân hàng tính đến thời điểm 01/6/2010 như sau:

Bảng cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của GDB

Stt	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần	Giá trị (Triệu đồng)	Tỷ lệ (%)
1	Công ty LDQL quỹ ĐTCK Vietcombank (VCBF)	198 Trần Quang Khải, Q.Hoàn Kiếm, Hà Nội.	19.000.000	190.000,00	19
2	NH TMCP Ngoại Thương VN	198 Trần Quang Khải, Q.Hoàn Kiếm, Hà Nội.	15.106.437	151.064,37	15,1
3	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công Thương	2C Phó Đức Chính, P.Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM.	7.177.561	71.775,61	7,1
4	Ngân hàng TMCP Nam Á	97Bis Hàm Nghi, Quận 1, Tp. HCM	5.262.981	52.629,81	5,2
	Tổng cộng		46.546.979	465.769,79	46,5

5. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký phát hành, những công ty mà tổ chức đăng ký phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành: Không có.

6. Hoạt động kinh doanh

6.1 Sản phẩm, dịch vụ của Ngân hàng

6.1.1 Sản phẩm tiền gửi

Có nhiều sản phẩm tiền gửi tiết kiệm tiện ích như:

- Tiền gửi, tiết kiệm thông thường.
- Tiền gửi linh hoạt thời gian.
- Tiền gửi, tiết kiệm bậc thang linh hoạt.
- Tiết kiệm lãi suất phi mã.
- Tiền gửi bậc thang thời gian - lãi trao hàng tháng.
- Tài khoản vạn lợi.
- Kỳ phiếu ngắn hạn.
- Chương trình quà tặng thân thiết.
- Tiền gửi thanh toán không kỳ hạn, có kỳ hạn, chứng chỉ tiền gửi,...
- Huy động vốn bằng VND, USD, với nhiều kỳ hạn khác nhau như 1, 2, 3 tuần và 1,

2, 3, 6, 9, 12, 13, 18, 24 và 36 tháng,...

6.1.2 Sản phẩm tín dụng:

Cung cấp tín dụng cho các khách hàng là cá nhân hoặc doanh nghiệp nhằm phục vụ cho các nhu cầu về sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và đời sống:

- Cho vay sản xuất, thương mại và dịch vụ.
- Cho vay mua nền nhà, mua nhà.
- Cho vay mua căn hộ của các Dự án bất động sản.
- Cho vay sửa chữa, xây dựng nhà.
- Cho vay mua xe ô tô.
- Cho vay tín chấp đối với cán bộ công nhân viên.
- Cho vay cầm cố giấy tờ có giá (sổ tiết kiệm, trái phiếu, chứng chỉ tiền gửi,...).
- Bao thanh toán.

6.1.3 Các dịch vụ khác:

- Dịch vụ bảo lãnh, thu đổi ngoại tệ mặt, chuyển tiền Western Union, thanh toán quốc tế,...
- Dịch vụ Ngân hàng điện tử: Phone Banking, Mobile Banking,...
- Kinh doanh ngoại tệ, mua bán nhà qua Ngân hàng,.....

6.2 Huy động vốn

- Tình hình huy động vốn của GDB đang được cơ cấu lại ngày càng hợp lý hơn, hạ tỷ trọng huy động thị trường II ở mức hợp lý, theo quy định của NHNN. Năm 2008 huy động thị trường II là 1.645.015 triệu đồng, sang năm 2009 giảm xuống còn 580.803 triệu đồng.
- Năm 2007 tổng huy động vốn là 1.257.161 triệu đồng, sang năm 2008 là 2.264.836 triệu đồng. Tính đến ngày 31/12/2009 là 2.189.702 triệu đồng, giảm 3% so với năm 2008, chủ yếu do thị trường II giảm 65% nhưng thị trường I tăng 160% so với năm 2008. Tính đến thời điểm 31/03/2010 huy động thị trường I chiếm đến 90,27% tổng huy động và tăng 6,3% so với cuối năm 2009. Chỉ tính riêng huy động vốn thị trường I qua các năm tăng liên tục, từ 417.162 triệu đồng năm 2007, 619.820 triệu đồng năm 2008 và đạt 1.608.899 triệu đồng năm 2009, đến thời điểm cuối quý 2/2010 đã là 1.494.481 triệu đồng.

Đơn vị tính: Triệu đồng

Khoản mục	Năm 2008		Năm 2009		Quý 2/2010	
	Số dư	Tỷ trọng	Số dư	Tỷ trọng	Số dư	Tỷ trọng
Phân theo kỳ hạn	2.264.836	100%	2.189.702	100%	2.209.052	100%

- Ngắn hạn	2.228.744	83,64%	1.808.938	82,61%	1.495.103	67,68%
- Trung, dài hạn	36.092	16,36%	380.764	17,39%	713.949	32,32%
Phân theo cơ cấu	2.264.836	100%	2.189.702	100%	2.209.052	100%
- Ngoài nước	1	0,00%	11	0,00%	11	0,00%
- Trong nước	2.264.835	100%	2.189.701	100%	2.209.041	100%
+ TCTD	1.645.015	72,63%	580.803	26,53%	714.560	32,35%
+ Khách hàng	619.820	27,37%	1.608.898	73,47%	1.494.481	67,65%

6.2.1 Theo kỳ hạn huy động

- Nguồn vốn huy động của GDB phân theo kỳ hạn bao gồm ngắn hạn và trung, dài hạn, đang được GDB điều chỉnh ngày càng hợp lý hơn, nếu như năm 2008 kỳ hạn ngắn chiếm 83,64% tổng huy động, sang năm 2009 chiếm 82,61% và đến thời điểm cuối quý 2/2010 là 67,68%.
- Vốn huy động ngắn hạn của GDB bao gồm các khoản tiền gửi, tiết kiệm không kỳ hạn và tiền gửi, tiết kiệm ngắn hạn, phát hành kỳ phiếu ngắn hạn. Nguồn huy động này đang có xu hướng tăng trong những năm gần đây: từ 428.300 triệu đồng năm 2006, tương đương với mức tăng là 53,51%, và trong năm 2007 là 1.154.244 triệu đồng, tăng 169,5% so với năm 2006, năm 2008 là 2.228.744 triệu đồng, tăng 93,09% so với năm 2007. Năm 2009, GDB cơ cấu lại nguồn vốn huy động ngày càng hợp lý hơn, tăng huy động vốn từ thị trường I (năm 2009 huy động thị trường I tăng 160% so với năm 2008), giảm dần huy động vốn từ thị trường II (năm 2009 huy động thị trường II giảm 65% so với năm 2008) nên tổng huy động ngắn hạn là 1.808.938 triệu đồng. Trong khi đó, nguồn huy động trung, dài hạn giảm: từ 102,917 tỷ đồng năm 2007 xuống còn 36.092 triệu đồng năm 2008 và đã tăng trở lại lên đạt 380.764 triệu đồng trong năm 2009, đến cuối quý 2/2010 là 713.949 triệu đồng.

6.2.2 Theo đối tượng huy động

Trong những năm gần đây tình hình kinh tế gặp khó khăn do ảnh hưởng của cuộc suy thoái kinh tế toàn cầu đã ảnh hưởng đến công tác huy động vốn của GDB, tốc độ tăng trưởng huy động còn ở mức thấp, tuy nhiên GDB đang cố gắng cân đối giữa huy động và cho vay, hướng đến mục tiêu không sử dụng nguồn vốn huy động từ thị trường II để tăng trưởng tín dụng, cụ thể trong năm 2009 huy động vốn từ thị trường II giảm đến 65% so với năm 2008, cơ cấu tài sản ngày càng hợp lý hơn. Huy động vốn từ các TCKT và dân cư năm 2008 chiếm 27,37% tổng huy động, sang năm 2009 chiếm 73,52% và đến thời điểm cuối quý 2/2010 đã chiếm 67,65% tổng huy động.

6.3 Hoạt động tín dụng

Trong thời gian qua, GDB đã mở rộng thị phần cho vay thông qua các mạng lưới hoạt

động ở các địa bàn trọng yếu ở thành phố Hồ Chí Minh, Hà Nội, Đà Nẵng, Cần Thơ và Buôn Ma Thuột, tận dụng các thế mạnh về lãi suất và thời gian hoàn tất hồ sơ vay cho khách hàng để tăng doanh thu và mở rộng thị phần. Bên cạnh đó, GDB cũng thường xuyên rà soát, quan tâm và chăm sóc các khách hàng có uy tín để duy trì mối quan hệ tốt với các khách hàng và qua đó đạt được mức tăng trưởng về dư nợ tín dụng trên cơ sở đảm bảo an toàn chất lượng của khoản vay. Công tác kiểm tra nội bộ được tiến hành thường xuyên nên đã kịp thời bổ sung, chấn chỉnh các thiếu sót về hoạt động tín dụng trong toàn hệ thống.

6.3.1 Theo đối tượng cho vay

Hoạt động tín dụng của GDB hoàn toàn tập trung vào các đối tượng khách hàng là các tổ chức kinh tế và cá nhân. Phần lớn các khoản cho khách hàng vay có tài sản thế chấp và được xác định giá trị tài sản thế chấp theo chuẩn mực của GDB và theo quy định của NHNN, do vậy cũng đã hạn chế được tối đa rủi ro tín dụng và nâng cao chất lượng tín dụng.

Bảng : Tốc độ tăng trưởng dư nợ tín dụng

Đơn vị tính: triệu đồng

Khoản mục	Năm 2008		Năm 2009		Quý 2/2010	
	Số dư	% tăng	Số dư	% tăng	Số dư	% tăng
Tổng dư nợ tín dụng	1.296.136	23%	2.354.882	82%	2.161.926	(8,2%)
- Tổ chức tín dụng			40.000	-		-
- Tổ chức kinh tế, cá nhân	1.296.136	23%	2.314.882	79%	2.161.926	(6,6%)

Dư nợ tín dụng của GDB đạt mức tăng trưởng qua các năm 2007, năm 2008 và năm 2009. Cụ thể, như năm 2007 tăng 102% so với năm 2006, năm 2008 tăng 23% so với năm 2007 và năm 2009 tăng 82% so với năm 2008.

Tính đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2009, dư nợ cho vay của GDB là 2.354.882 triệu đồng. Trong đó:

- Nợ nhóm 1: 2.224.565 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 94,46% trên tổng dư nợ.
- Nợ nhóm 2: 49.871 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 2,12% trên tổng dư nợ.
- Nợ nhóm 3: 15.533 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 0,66% trên tổng dư nợ
- Nợ nhóm 4: 50.504 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 2,15% trên tổng dư nợ.
- Nợ nhóm 5: 14.409 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 0,61% trên tổng dư nợ.

Dư nợ cho vay của GDB quý 2/2010 là 2.161.926 triệu đồng, giảm 8,2% so với năm 2009. Trong đó:

- Nợ nhóm 1: 1.864.366 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 86,23% trên tổng dư nợ.

- b) Nợ nhóm 2: 183.326 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 8,48% trên tổng dư nợ.
 c) Nợ nhóm 3: 30.438 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 1,41% trên tổng dư nợ
 d) Nợ nhóm 4: 28.339 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 1,31% trên tổng dư nợ.
 e) Nợ nhóm 5: 55.457 triệu đồng, chiếm tỷ lệ 2,57% trên tổng dư nợ.

6.3.2 Theo loại hình cho vay

Trong các loại hình cho vay của GDB thì các khoản cho vay ngắn hạn chiếm tỷ trọng là cao nhất so với các khoản cho vay trung và dài hạn, cho vay hợp vốn. Trong đó, dư nợ cho vay ngắn hạn chiếm 54% trên tổng dư nợ cho vay, dư nợ cho vay trung và dài hạn 46% so với tổng dư nợ. Tuy nhiên, các khoản cho vay trung và dài hạn đang có xu hướng tăng dần trong những năm gần đây.

Bảng : Theo loại hình cho vay

Đơn vị tính: triệu đồng

Khoản mục	Năm 2008	Năm 2009	Quý 2/2010
Cho vay ngắn hạn	864.960	1.270.189	1.078.788
Cho vay trung và dài hạn	431.176	1.084.693	1.083.138
Tổng cộng	1.296.136	2.354.882	2.161.926
Dự phòng rủi ro tín dụng ngày 31/12 (cuối quý)	3.307	18.135	27.937
Danh mục cho vay ngày 31/12 (cuối quý), thuần	1.292.829	2.336.747	2.133.989

Bảng : Cho vay theo tiền tệ

Đơn vị tính: triệu đồng

Khoản mục	Năm 2008	Năm 2008	Quý 2/2010
Cho vay bằng Đồng Việt Nam	1.261.556	2.265.071	2.054.693
Cho vay bằng ngoại tệ quy đồng VN	34.580	89.811	107.233
Tổng cộng	1.296.136	2.354.882	2.161.926

6.3.3 Tình hình hoạt động tín dụng

Trong giai đoạn vừa qua, GDB tập trung mở rộng mạng lưới hoạt động, triển khai công tác tiếp thị và quảng bá thông qua các phương tiện truyền thông đại chúng, chú trọng đến chất lượng phục vụ, thời gian xử lý hồ sơ cho vay đảm bảo nhanh chóng nên đã

góp phần đẩy nhanh dư nợ cho vay của ngân hàng. Dư nợ cho vay từ 1.051.172 triệu đồng vào cuối năm 2007 lên 1.296,136 tỷ năm 2008, tỷ lệ tăng là 23% và năm 2007 và đạt mức 2.354.882 triệu đồng năm 2009. Cuối năm 2009 thì dư nợ cho vay của GDB được ghi nhận là 2.354.882 triệu đồng, tăng 82% so với năm 2008. Tính đến Quý 2/2010 dư nợ cho vay của GDB là 2.161.926 triệu đồng.

Bảng : Tình hình hoạt động tín dụng

Đơn vị tính: triệu đồng

Khoản mục	Năm 2008	Năm 2009	Quý 2/2010
Tổng dư nợ (Triệu đồng)	1.296.136	2.354.882	2.161.926
Tỷ lệ nợ quá hạn	7,88%	4,58%	13,76%
Tỷ lệ an toàn vốn (CAR)	55,5%	45,11%	49,13%
Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn sử dụng để cho vay trung dài hạn	0	11,28%	3,19%

6.4 Hoạt động kinh doanh ngoại tệ và thanh toán

- Tình hình kinh doanh ngoại tệ và thanh toán, các dịch vụ thanh toán trong nước và thanh toán quốc tế trong những năm gần nhất: GDB đang triển khai thực hiện nhưng do nguyên nhân khách quan dẫn đến hoạt động thanh toán tín dụng thư xuất nhập khẩu và công tác chuyển tiền T/T còn chiếm tỷ trọng nhỏ trong cơ cấu hoạt động của GDB.
- Hoạt động kinh doanh ngoại tệ và thanh toán năm 2007 – 2009:

Đơn vị: USD

Kinh doanh ngoại tệ	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009
Mua	12.280.066	4.168.175	24.929.848
Bán	8.460.236	7.040.742	25.009.892

- GDB đã duy trì được mối quan hệ với khách hàng truyền thống bên cạnh việc tìm kiếm khách hàng thông qua các phương tiện thông tin đại chúng như: quảng cáo, băng rôn, tờ rơi, internet... và liên hệ giới thiệu dịch vụ cho khách hàng. Các chi nhánh cũng không ngừng tăng cường khai thác tiềm năng, mở rộng thị phần thanh toán của ngân hàng. GDB đã tổ chức bán các loại ngoại tệ cho hoạt động thanh toán của Ngân hàng. Ngoài ra, GDB cũng đã tổ chức khai thác nguồn vốn trên thị trường liên ngân hàng để hỗ trợ, bổ sung nguồn vốn hoạt động của Ngân hàng.

6.5 Hoạt động ngân hàng đại lý

Hiện tại, GDB đang là đại lý nhận thanh toán qua thẻ Visa, MasterCard của Ngân hàng TMCP Công Thương, đại lý chi trả kiều hối thông qua dịch vụ Western Union

của Ngân hàng TMCP Các Doanh Nghiệp Ngoài Quốc Doanh. Nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho công tác phát triển quan hệ quốc tế nói chung và đẩy mạnh hoạt động thanh toán quốc tế nói riêng, GDB thường xuyên phấn đấu đổi mới, quan hệ với các ngân hàng ở trong và ngoài nước đáp ứng nhu cầu hội nhập của Ngân hàng.

6.6 Hoạt động ngân quỹ và thanh toán trong nước

Toàn hệ thống đã bảo đảm an toàn hoạt động ngân quỹ, kiểm đếm chính xác, thanh toán và đáp ứng kịp thời các nhu cầu tiền mặt của khách hàng. Ngoài ra, do là thành viên của hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng của NHNN nên thông qua GDB, khách hàng có thể chuyển tiền, thanh toán đến các địa phương cả nước trong thời gian ngắn nhất.

6.7 Hoạt động đầu tư tài chính

Trong năm 2009, GDB chưa đầu tư thêm trái phiếu, các trái phiếu đã đầu tư là trái phiếu Chính phủ, trái phiếu đô thị, trái phiếu tổng công ty điện lực, Trái phiếu chính phủ....và các loại chứng khoán mà GDB đang nắm giữ nhằm mục đích mang lại nguồn lợi nhuận còn làm tăng tính thanh khoản cho ngân hàng.

Đơn vị tính: Triệu đồng

Đầu tư tài chính	Năm 2008	Năm 2009	Quý 2/2010
Công trái xây dựng Tổ quốc	100	100	100.000
Trái phiếu chính phủ	250	150	150
Trái phiếu đô thị Tp HCM	1.000	1.000	1.000
Trái phiếu Ngân hàng Ngoại thương	0	0	0
Trái phiếu Tổng công ty Điện lực VN	10.000	10.000	10.000
Trái phiếu chính phủ	8.000	8.000	8.000
Các chứng khoán khác	99.331	93.153	94.340
Tổng cộng	118.681	112.403	213.490

6.8 Quản lý rủi ro và bảo toàn vốn

Quản trị rủi ro là một trong các vấn đề cốt lõi được GDB đặc biệt quan tâm, bao gồm rủi ro tín dụng, rủi ro hoạt động và thanh khoản. Nhằm hạn chế tối thiểu rủi ro và bảo toàn nguồn vốn kinh doanh, Ban điều hành Ngân hàng cùng với HĐQT xây dựng hệ thống quản lý nhằm theo dõi và nắm bắt kịp thời những rủi ro vừa phát sinh để có biện pháp xử lý phù hợp. Bằng việc tổng hợp, phân tích, đánh giá các số liệu báo cáo trong những năm trước đây, Ban điều hành Ngân hàng cùng các phòng ban đã chủ động được trong các tình huống rủi ro và hạn chế những rủi ro có khả năng phát sinh.

Một số các giải pháp áp dụng để phòng ngừa và giảm thiểu rủi ro của GDB như sau :

- a) Rà soát, chỉnh sửa và hoàn thiện các quy trình, quy chế nội bộ phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan. Phân tích các rủi ro có thể xảy ra trong từng quy trình nghiệp vụ để triển khai ngay các biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn rủi ro;
- b) Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ. Trong bất kỳ hoàn cảnh và môi trường công tác nào cũng không buông lỏng công tác kiểm tra, kiểm soát việc chấp hành quy chế, quy trình nghiệp vụ và ứng dụng công nghệ mới trong công tác này để kịp thời phát hiện, ngăn ngừa sai phạm, rủi ro;
- c) Đầu tư thích đáng về đào tạo nghiệp vụ kinh doanh phù hợp với chuẩn mực và kinh nghiệm quốc tế; trang thiết bị tin học viễn thông hiện đại nhằm đảm bảo an toàn, bảo mật và có tính mở; chỉ ra các lĩnh vực kinh doanh mới (tiền tệ tín dụng, ngoại hối, thanh toán chuyển tiền...) khi có khả năng phân tích và kiểm soát được rủi ro;
- d) Chọn lựa cán bộ có đủ năng lực trình độ, phẩm chất đạo đức để thực hiện các hoạt động nghiệp vụ, có cơ chế phân quyền, quy định trách nhiệm đối với cán bộ phụ trách và tác nghiệp, phù hợp với năng lực và kinh nghiệm kinh doanh của đội ngũ cán bộ đã được đào tạo thử thách và cơ sở vật chất hiện có, nâng cao năng lực trình độ chuyên môn một cách tương xứng cho đội ngũ cán bộ. Ngân hàng có chính sách, cơ chế, quy trình tuyển dụng, bố trí, bổ nhiệm, đào tạo cán bộ phù hợp với từng chức năng công việc. Việc không ngừng bồi dưỡng, giáo dục nhằm nâng cao đạo đức nghề nghiệp của cán bộ ngân hàng phải được quán triệt và quan tâm thỏa đáng ở mọi cấp quản lý;
- e) Thực hiện việc phân loại nợ và trích lập dự phòng và xử lý rủi ro theo quy định hiện hành của Ngân hàng Nhà nước; nâng cấp, đảm bảo chính xác và kịp thời hệ thống thông tin báo cáo và quản trị rủi ro;
- f) Mở rộng quy mô và mạng lưới hoạt động, phát triển và đa dạng hóa các loại hình nghiệp vụ, dịch vụ của GDB phù hợp với xu hướng tất yếu của nước ta đang trên đà tăng trưởng cao. Bên cạnh đó, để đảm bảo sự tăng trưởng ổn định, bền vững và lành mạnh đòi hỏi các cấp quản lý phải đặt ưu tiên hàng đầu khả năng nhận biết, quản trị, kiểm soát được các loại hình rủi ro tiềm ẩn đi kèm;
- g) Ban điều hành GDB luôn khuyến khích cán bộ ngân hàng báo cáo về tình hình rủi ro của Ngân hàng; sẵn sàng đối phó với những vấn đề nảy sinh; kiểm soát những thua lỗ; cố gắng củng cố hệ thống khi có rủi ro xảy ra. Thường xuyên tổ chức các cuộc họp định kỳ giữa Ban điều hành và lãnh đạo các đơn vị để rà soát công tác quản lý rủi ro của Ngân hàng.

7. Thị trường hoạt động

7.1 Mạng lưới chi nhánh

- Mạng lưới hoạt động của GDB hiện nay bao gồm: 01 Hội sở, 10 chi nhánh, 17 phòng giao dịch. GDB đang từng bước củng cố mạng lưới hoạt động hiện có, phát triển thêm chi nhánh để mở rộng mạng lưới phục vụ.
- Nhằm tăng cường khả năng cạnh tranh trên thị trường nội địa, đáp ứng nhu cầu hội nhập trên thị trường quốc tế, GDB luôn đề ra mục tiêu và chiến lược phấn đấu nhằm

duy trì và phát triển thị phần khách hàng. Việc mở rộng chi nhánh và các văn phòng giao dịch của GDB nhằm tăng khả năng tiếp cận các sản phẩm của ngân hàng đến đủ các đối tượng khách hàng trên địa bàn khắp nơi trên cả nước.

7.2 Mạng lưới khách hàng và các loại dịch vụ cho khách hàng

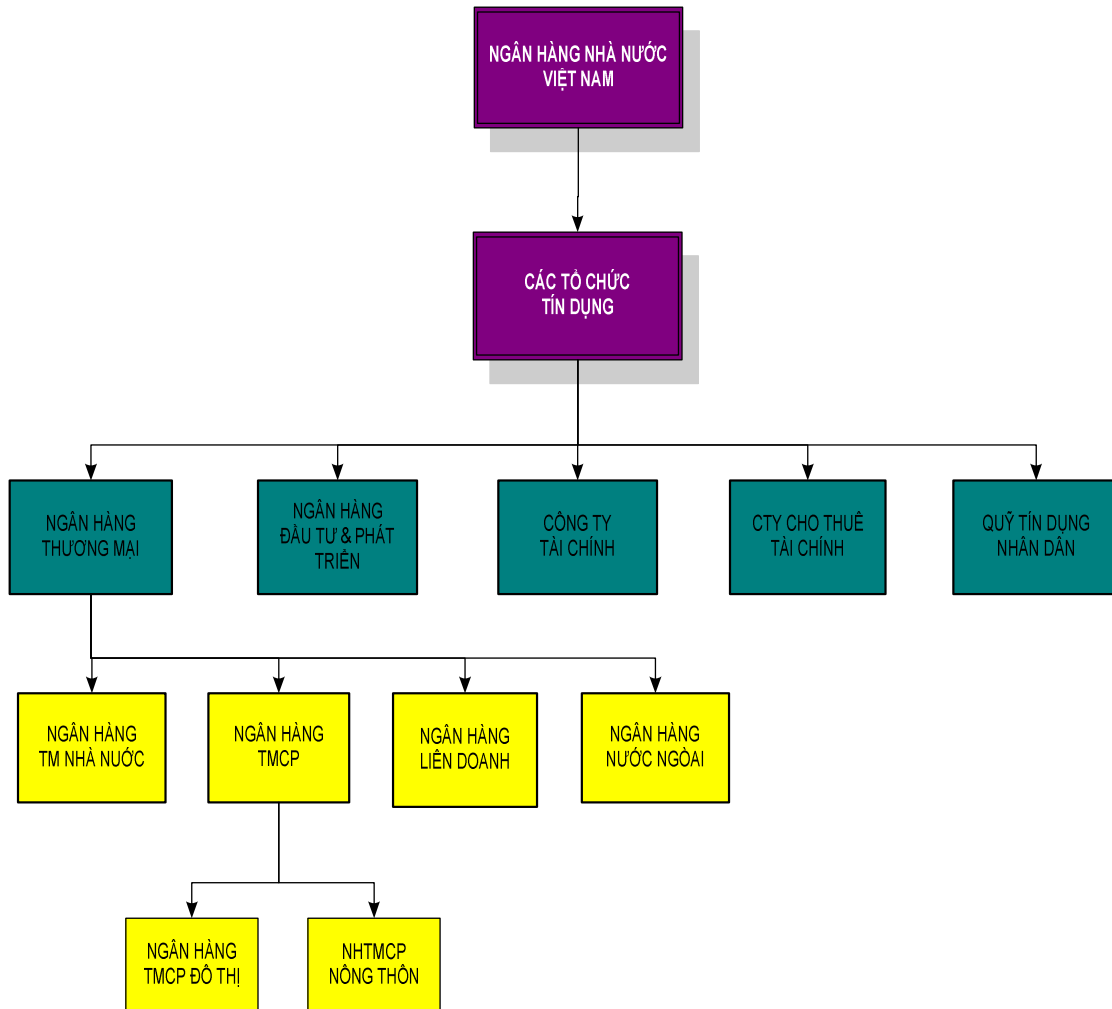
- Địa bàn hoạt động chính của GDB hiện tại vẫn tập trung ở các Quận, huyện đông dân cư, có nhu cầu về các dịch vụ của Ngân hàng. Các khách hàng chính của GDB là các khách hàng cá nhân, tiểu thương, các doanh nghiệp vừa và nhỏ, các tổ chức tín dụng.
- Sau hơn 17 năm hoạt động, GDB đã từng bước tích lũy lợi nhuận, nâng dần chất lượng của các sản phẩm dịch vụ ngân hàng, tìm kiếm và phát triển số lượng khách hàng của Ngân hàng. Từ đối tượng khách hàng chính của Ngân hàng là các cá nhân, tiểu thương, các doanh nghiệp vừa và nhỏ, GDB còn quan tâm và mở rộng các hoạt động đến các đối tượng khách hàng là các công ty liên doanh, doanh nghiệp nước ngoài hoạt động trong các khu chế xuất, khu công nghiệp, hỗ trợ sự phát triển các ngành nghề nông, lâm, ngư nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và các ngành nghề truyền thống tại các địa phương trong cả nước.
- GDB kế hoạch triển khai thêm nhiều loại hình sản phẩm và dịch vụ, chỉnh đốn và chuyên nghiệp hóa tác phong phục vụ khách hàng, ưu đãi các khách hàng giao dịch thường xuyên, mở rộng mạng lưới hoạt động trên khắp cả nước....nhằm định hướng phát triển GDB trở thành một trong những Ngân hàng mạnh trong hệ thống ngân hàng Việt Nam.

8. Thị phần và khả năng cạnh tranh

8.1 Hệ thống Ngân hàng Việt Nam

Tính đến cuối năm 2009, hệ thống ngân hàng Việt Nam có nhóm chính bao gồm 4 ngân hàng thương mại Nhà nước (NHTMNN), không kể Ngân hàng Chính sách xã hội Việt Nam; 39 ngân hàng thương mại cổ phần (NHTMCP) đô thị; 40 chi nhánh ngân hàng nước ngoài; 5 ngân hàng liên doanh; 5 ngân hàng có 100% vốn nước ngoài; 17 công ty tài chính; 13 công ty cho thuê tài chính; 53 Văn phòng đại diện Ngân hàng nước ngoài tại Việt nam.

Sơ đồ tổ chức của Hệ thống Ngân hàng Việt Nam:



- Sau ba năm chính thức trở thành thành viên WTO hệ thống Ngân hàng cũng ngày càng phát triển cả về quy mô, chất lượng hoạt động, làm tăng độ sâu tài chính, sức cạnh tranh trong hệ thống Ngân hàng và thị trường tài chính ngày càng đa dạng. Nhịp độ tăng trưởng kinh tế cao cộng với làn sóng đầu tư nước ngoài lớn tạo ra cơ hội phát triển của ngành Ngân hàng.
- Hệ thống Ngân hàng Việt Nam đã có nhiều đột phá về phát triển dịch vụ: Ngân hàng bán lẻ, Ngân hàng đầu tư, dịch vụ thanh toán, Ngân hàng nhà, quản lý tài sản,... đã khởi đầu một giai đoạn thay đổi về chất của hoạt động Ngân hàng. Các ngân hàng đã áp dụng công nghệ vào các sản phẩm, dịch vụ một cách hiệu quả. Theo các chuyên gia cho rằng trong một thời gian ngắn nữa thì mảng dịch vụ của NHTM Việt Nam có thể tiếp cận được với tiêu chuẩn của dịch vụ NH quốc tế. Sức cạnh tranh của Ngân hàng được quyết định ở số lượng và chất lượng dịch vụ và vì thế có lẽ đây là bước tiến nổi bật nhất của ngành Ngân hàng.
- Tuy nhiên hoạt động Ngân hàng còn một số hạn chế. Trước hết là khung pháp lý vẫn trong tình trạng khó lường trước. Điều này khiến việc áp dụng các chuẩn mực quốc tế

về quản trị doanh nghiệp và quản trị rủi ro rất khó khăn. Hạn chế này cộng với công nghệ lạc hậu nhân lực còn giới hạn là những thách thức chủ yếu của ngành Ngân hàng Việt Nam trong trung hạn.

8.2 Ngân hàng TMCP Gia Định

- Tính đến thời điểm năm 2005, GDB là một trong những Ngân hàng TMCP tại địa bàn thành phố Hồ Chí Minh có vốn điều lệ nhỏ nhất, 80 tỷ đồng. Năm 2008, sau khi được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chấp thuận cho việc tăng vốn điều lệ của Ngân hàng lên 1.000 tỷ đồng, GDB đã có những bước đột phá tăng trưởng mạnh về quy mô hoạt động như mở rộng mạng lưới hoạt động. Năm 2008, tổng nguồn vốn huy động của GDB đạt 2.265 tỷ đồng đạt 196,9% so với kế hoạch năm 2008, tổng dư nợ tín dụng của GDB đạt 1.296 tỷ đồng đạt 103% so với kế hoạch. Năm 2009, tổng tài sản 3.330 tỷ đồng, dư nợ tín dụng tăng 82%, huy động vốn từ các TCKT và dân cư tăng 160% so với năm 2008, GDB đã triển khai thành công hệ thống Core-banking, tăng cường năng lực quản trị, mạng lưới hoạt động đã phát triển được 28 điểm giao dịch trong đó có 01 Trụ sở chính, 07 chi nhánh và 20 PGD từ Bắc vào Nam. Trong năm 2010, GDB tiếp tục tăng cường năng lực tài chính, năng lực quản trị điều hành, xây dựng hành lang pháp lý làm nền tảng cho hoạt động, phát triển sản phẩm mới, tăng trưởng tín dụng, mở rộng thị phần, đẩy mạnh phát triển thương hiệu GDB được nhiều người biết đến.
- Mặc dù, với tỷ lệ thị phần còn nhỏ so với các Ngân hàng TMCP tại cùng địa bàn, với kết quả đạt được như hiện nay của Ngân hàng thì đây là cả một bước nhảy vọt trong giai đoạn kiện toàn và ổn định và phát triển có định hướng của GDB. Trong giai đoạn sắp tới, với những hỗ trợ thiết thực và lâu dài của cổ đông chiến lược VCB, GDB tiếp tục đẩy mạnh việc phát triển hoạt động trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, GDB có kế hoạch mở rộng thêm địa bàn hoạt động ra các tỉnh thành phố lớn khác để từ đó mở rộng địa bàn hoạt động, nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh và thị phần về huy động vốn, dư nợ tín dụng của Ngân hàng.

8.3 Các chỉ tiêu phát triển của GDB trong giai đoạn 2010-2012

8.3.1 Trong năm 2009

- a) Dưới sự quan tâm chỉ đạo kịp thời của Hội đồng quản trị và sự hỗ trợ tích cực về mọi mặt từ các cổ đông chiến lược, cùng toàn thể cán bộ nhân viên, trong năm 2009 GDB phấn đấu và đạt được những kết quả nhất định.
 - Vốn điều lệ: đạt 1.000 tỷ đồng.
 - Tổng tài sản đạt: 3.330 tỷ đồng.
 - Vốn huy động: 2.190 tỷ đồng, giảm 3% (# 75 tỷ đồng) so với năm 2008, do GDB đang cố gắng cơ cấu lại nguồn vốn huy động, nỗ lực tăng huy động vốn các TCKT & dân cư để giảm áp lực huy động vốn các TCTD, nhằm hướng đến mục tiêu chỉ sử dụng nguồn vốn huy động các TCTD để đảm bảo thanh khoản. Do đó, huy động vốn các TCTD giảm (tỷ lệ giảm 65%), còn huy động vốn các TCKT & dân cư tăng 160% so với năm 2008.
 - Huy động vốn thị trường I (TT I) đến 31/12/09 là 1.609 tỷ đồng, tăng 160% (# 989 tỷ đồng) so với năm 2008, đạt 134% kế hoạch.

- Tiền gửi không kỳ hạn là 162 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 10% tổng huy động TT I.
 - Tiền gửi có kỳ hạn dưới 12 tháng là 1.066 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 66% tổng huy động TTI. Trong đó kỳ hạn 02 tháng chiếm tỷ trọng cao nhất 33% (354 tỷ đồng).
 - Tiền gửi có kỳ hạn từ 12 tháng trở lên là 381 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 24% tổng huy động vốn TT I. Trong đó kỳ hạn 12 tháng chiếm tỷ trọng cao nhất 91% (345 tỷ đồng).
 - Huy động thị trường II (TTII) đến 31/12/2009 là 581 tỷ đồng, giảm 65% (# 1.064 tỷ đồng) so với năm 2008, do trong thời gian qua GDB cơ cấu lại nguồn vốn huy động, giảm dần việc nhận vốn từ thị trường II, thực hiện theo quy định của NHNN, huy động các TCTD tạm thời chủ yếu để đảm bảo thanh khoản.
- b) Nhìn chung, tình hình huy động vốn trên thị trường II trong năm 2009 tương đối ổn định, không có sự biến động lớn, khan hiếm nguồn như năm 2008, đến nay GDB đã tạo được mối liên hệ giao dịch vốn với nhiều ngân hàng thương mại có uy tín trên cả nước.
- c) Theo quy định của NHNN, các ngân hàng tăng trưởng tín dụng phải cân đối được huy động TTI và cho vay, mặc dù huy động vốn TTI tăng đến 160% nhưng còn thấp (1.609 tỷ đồng) không đáp ứng kịp thời cho công tác phát triển tín dụng. Do đó, đến cuối quý III/2009 GDB phải kiểm chế tăng trưởng tín dụng, hạn chế cho vay, chỉ ưu tiên giải quyết những hồ sơ tất toán có nhu cầu vay lại, có phương án vay vốn khả thi, hiệu quả. Tập trung thu hồi những khoản vay không hiệu quả, sử dụng nguồn vốn thu hồi để cho vay các khách hàng mới, nhắm đến các khách hàng doanh nghiệp mang doanh số và sử dụng dịch vụ của GDB, các khách hàng cá nhân có nhu cầu vay vốn phục vụ mục đích tiêu dùng, có nguồn trả nợ đảm bảo nhằm bảo toàn vốn cho vay và gia tăng tỷ suất lợi nhuận trong hoạt động tín dụng. Cũng chính vì thế, kế hoạch tín dụng 3.500 tỷ đồng được ĐHĐCĐ thông qua từ đầu năm chỉ đạt được 67%.
- Dư nợ cho vay đến 31/12/2009 là 2.355 tỷ đồng, tăng 82% (# 1.059 tỷ đồng) so với năm 2008.
 - Kinh tế nước ta gặp nhiều khó khăn do sự tác động của kinh tế toàn cầu, nhiều doanh nghiệp trong nước đã bị ảnh hưởng, hoạt động sản xuất khó khăn, thị trường bị thu hẹp, sản phẩm khó tiêu thụ, dẫn đến nguồn thu bị hạn chế nên quan hệ tín dụng với các ngân hàng thương mại bị ảnh hưởng, một số khách hàng không có khả năng thanh toán nợ đến hạn. Đến cuối năm 2009, nợ xấu của GDB là 80,4 tỷ đồng, chiếm 3,4% tổng dư nợ.
 - Phát triển dịch vụ và đầu tư : Hoàn thiện và phát triển các dịch vụ hiện có như thanh toán xuất nhập khẩu, kinh doanh ngoại tệ, chi trả kiều hối, tài trợ du học,...đồng thời triển khai thêm một số dịch vụ mới nhằm tạo tiền đề phát triển trong tương lai. Bên cạnh đó phát triển mạnh các mảng đầu tư chứng khoán, góp vốn liên doanh..., đồng thời phát triển các dịch vụ Ngân hàng điện tử nhằm tăng tiện ích cho khách hàng và tăng thu nhập từ hoạt động dịch vụ cho GDB. Trên cơ sở đó sẽ ngày càng thu hút khách hàng đến với GDB.
 - Phát triển sản phẩm dịch vụ: với những hỗ trợ thiết thực và lâu dài của các cổ đông chiến lược, trong đó VCB có cam kết hỗ trợ GDB phát triển sản phẩm dịch vụ nên chỉ tiêu thu nhập từ dịch vụ và thu từ các dịch vụ khác. Trong năm 2009, nhằm đẩy mạnh công tác huy động vốn từ thị trường I, GDB thường xuyên theo dõi lãi suất của

các ngân hàng và các chính sách của NHNN, nghiên cứu và triển khai các dòng sản phẩm huy động mới như tiền gửi linh hoạt thời gian, tiền gửi linh hoạt bậc thang, kỳ phiếu ngắn hạn Giadinhbank, tiết kiệm lãi suất phi mã,... đồng thời triển khai các chương trình khuyến mại như chương trình ứng trước một phần lãi suất, chương trình “Quà tặng thân thiết”. Bên cạnh đó, phát động phong trào thi đua “Chung sức xây dựng GDB” trong công tác huy động vốn đến toàn thể cán bộ nhân viên. Kết quả tình hình huy động vốn từ các TCKT & dân cư chuyển biến tích cực, tăng 160% so với năm 2008 và đạt 134% KH.

- Dịch vụ kiều hối: tìm kiếm thêm đối tác và đẩy mạnh dịch vụ này dưới hình thức liên kết làm đại lý cho các đơn vị hoạt động trong lĩnh vực kiều hối, đồng thời trực tiếp thực hiện dịch vụ với đối tác nước ngoài.
- Dịch vụ ngân quỹ với các hoạt động như cho thuê kết sắt, quản lý các giấy tờ, tài sản có giá, thu chi hộ tiền điện, tiền nước, điện thoại...
- Dịch vụ thẻ: Bên cạnh việc đã thực hiện làm đại lý thanh toán thẻ Visa/Master card cho ICB, GDB đã tiến hành các thủ tục để tham gia hệ thống thẻ thanh toán Vietcombank.
- Đẩy mạnh dịch vụ tư vấn về đầu tư, du học, tư vấn kinh doanh bất động sản...
- Tham gia thị trường chứng khoán,
- Dịch vụ ngân hàng điện tử: nghiên cứu và từng bước ứng dụng các sản phẩm dịch vụ ngân hàng điện tử như Home-Banking, internet-Banking,...nhằm tạo thêm nhiều kênh liên thông giữa khách hàng và Ngân hàng, từng bước triển khai đầy đủ các dịch vụ của một ngân hàng điện tử.
- Tìm kiếm và đặt mối quan hệ đại lý với một số các Ngân hàng nước ngoài, các đối tác chiến lược để tăng cường phát triển các sản phẩm dịch vụ.

8.3.2 Giai đoạn 2010 – 2012

Bảng : Chỉ tiêu tổng tài sản giai đoạn 2010 – 2012

Đơn vị tính: tỷ đồng

Chỉ tiêu	2010	2011	2012
Tổng tài sản	8.500	12.500	17.500
Vốn điều lệ	3.000	4.000	5.000
Vốn huy động	5.200	8.320	12.480
Cho vay	5.500	8.250	12.375

8.4 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong 03 năm gần nhất

8.4.1 Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của Ngân hàng

a) Về thu nhập

Bảng : Thu nhập

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2008		Năm 2009		Quý 2/2010	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
Thu nhập tín dụng	218.940	96,06%	270.648	89,63%	200.484	92,92%
Thu nhập phi tín dụng	8.991	3,94%	31.304	10,37%	15.271	7,08%
Tổng thu nhập	227.931	100%	301.952	100%	215.755	100%

b) Về chi phí**Bảng : Chi phí**

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2008	Năm 2009	Quý 2/2010	% tăng giảm 2009 so với 2008
Chi trả lãi	118.993	138.922	134.828	16,75%
Chi phí ngoài lãi	102.703	90.987	58.251	(11,41%)
Tổng chi phí	221.696	229.909	193.079	3,70%

c) Về lợi nhuận**Bảng : Lợi nhuận**

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2008	Năm 2009	Quý 2/2010	% tăng giảm 2009 so với 2008
Lợi nhuận trước thuế	6.235	72.043	22.676	1.055%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.294	17.417	5.278	1.278%
Lợi nhuận sau thuế	4.941	54.626	17.398	1.006%

8.4.2 Một số chỉ tiêu về kết quả hoạt động kinh doanh

Bảng : Kết quả hoạt động kinh doanh

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2008	Năm 2009	Quý 2/2010	% tăng giảm 2009 so với 2008
Tổng giá trị tài sản	3.348.407	3.329.937	3.323.388	(0,55%)
Tổng huy động	2.264.836	2.189.837	2.209.052	(3,31%)
Dư nợ cho vay	1.296.136	2.354.882	2.161.926	81,68%
Tổng thu nhập kinh doanh	221.696	229.909	215.755	3,70%
Thuế và các khoản phải nộp	1.294	17.417	6.555	1.245,98%
Lợi nhuận trước thuế	6.235	72.043	22.676	1.055,46%
Lợi nhuận sau thuế	4.941	54.626	17.398	1.005,56%

8.5 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Ngân hàng trong năm báo cáo

- Từ năm 2008 khủng hoảng tài chính toàn cầu bắt đầu từ khủng hoảng tín dụng thứ cấp nhà tại Mỹ đã tác động lớn đến kinh tế hàng loạt các quốc gia trên thế giới. Hệ thống ngân hàng Việt Nam tuy không bị ảnh hưởng trực tiếp từ cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu nhưng nhiều chỉ tiêu kinh tế vĩ mô bị giảm.
- Trước những ảnh hưởng từ cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu tới kinh tế Việt Nam và đặc biệt là hệ thống ngân hàng, Ngân hàng Nhà nước đã triển khai quyết liệt, đề xuất kịp thời những giải pháp để xử lý những diễn biến không thuận chiều của thị trường: chính sách tiền tệ, tỷ giá được điều hành linh hoạt không những đảm bảo mục tiêu chống suy giảm kinh tế, kiềm chế lạm phát mà còn ổn định thị trường tài chính.
- Thị trường chứng khoán Việt Nam đã chịu ảnh hưởng của thị trường chứng khoán Mỹ kể từ khi Việt Nam gia nhập WTO. Thị trường chứng khoán Việt Nam xuống dốc trong năm 2008, mức giảm 66% của chỉ số VN-Index khiến Việt Nam trở thành thị trường chứng khoán sụt giảm mạnh nhất trong khu vực nhưng sang năm 2009 thị trường chứng khoán đã phục hồi trở lại nhưng chưa ổn định, tăng 57% so với năm 2008. Trước tình hình chung đó, tình hình hoạt động kinh doanh của GDB trong năm 2009 đã đạt được những kết quả đáng khích lệ.
- Trong bối cảnh môi trường kinh doanh nhiều biến động, cơ chế chính sách thay đổi, kinh tế khó khăn đã làm phát sinh nhiều loại rủi ro như : rủi ro thanh khoản, rủi ro lãi suất, rủi ro tín dụng với nguy cơ nợ xấu và nợ quá hạn tăng cao... đã tác động rất lớn đến hoạt động của các ngân hàng thương mại nói chung và GDB nói riêng. Mặc dù vậy, GDB với quy mô còn nhỏ so với các ngân hàng bạn nhưng các chỉ tiêu vẫn luôn duy trì tốc độ phát triển và được điều chỉnh ngày càng hợp lý hơn. Trong năm qua, một mặt GDB cũng có

các đơn vị đang hoạt động, mặt khác đầu tư mở rộng thêm mạng lưới hoạt động, triển khai hệ thống công nghệ hiện đại, nâng cấp các hệ thống trang thiết bị của Ngân hàng, qua đó đẩy mạnh dư nợ tín dụng, tăng doanh thu cũng như lợi nhuận.

- Phát triển sản phẩm, dịch vụ luôn được GDB quan tâm chú trọng. Trong năm 2009, GDB đã và đang nghiên cứu nâng cấp, cải tiến, dịch vụ hiện có và phát triển thêm sản phẩm dịch vụ mới nhằm đa dạng hóa sản phẩm, dịch vụ phục vụ tốt nhất cho nhu cầu của khách hàng như: hệ thống Mobile Banking, phone banking, tiết kiệm linh hoạt, phát hành kỳ phiếu...Ngoài ra, GDB đã gia nhập liên minh thẻ của cổ đông chiến lược – Vietcombank và sẽ phát triển sản phẩm thẻ GiaDinhBank trong năm 2010.

8.6 Vị thế của Ngân hàng so với các ngân hàng khác trong cùng địa bàn

- Trải qua nhiều thăng trầm trong quá trình hình thành và phát triển hơn 17 năm, GDB đến nay cũng đã đạt được những thành tựu đáng ghi nhận như về tốc độ tăng trưởng về dư nợ tín dụng, vốn huy động, chỉ số lợi nhuận...bên cạnh đó GDB cũng có một số lợi thế nhất định so với các Ngân hàng khác trong cùng địa bàn:
- Về cơ cấu cổ đông: có cổ đông là các cổ đông pháp nhân và thể nhân, trong đó các cổ đông pháp nhân, đồng thời là cổ đông chiến lược của GDB là các ngân hàng thương mại nhà nước, thương mại cổ phần lớn có uy tín trong ngành như: Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB), Ngân hàng Công Thương Việt Nam (Vietinbank), Ngân hàng TMCP Đông Á (EAB), Ngân hàng TMCP Nam Á, . . Trong giai đoạn khó khăn, GDB đã nhận được nhiều sự hỗ trợ tích cực từ các Ngân hàng thành viên này đồng thời cũng là các cổ đông lớn, cũng chính vì thế mà GDB đã vượt qua kiện toàn, củng cố và phát triển, đã đạt được những kết quả nhất định như hiện nay.
- Nguồn nhân lực: Các thành viên Hội Đồng Quản Trị, Ban Điều Hành của GDB là những cán bộ có năng lực và chuyên môn ngân hàng giỏi, có nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực ngân hàng, đa phần các thành viên Hội Đồng Quản Trị đang nắm những vị trí quan trọng tại các ngân hàng khác trên địa bàn TP.HCM và Hà Nội. Bên cạnh đó, đội ngũ CB-CNV của GDB trẻ, năng nổ, nhiệt tình, tận tâm, ham học hỏi, hầu hết được đào tạo chính quy về các chuyên môn và nghiệp vụ.
- Hệ thống công nghệ thông tin: Năm 2009, GDB đã đầu tư triển khai hệ thống công nghệ ngân hàng hiện đại, tạo nền tảng vững chắc hỗ trợ công tác quản trị ngân hàng và phát triển các sản phẩm dịch vụ ngân hàng hiện đại. Trong thời gian tới, GDB tiếp tục tăng cường năng lực tài chính, quản trị điều hành, công nghệ thông tin, mở rộng các dịch vụ ngân hàng điện tử, hiện đại hóa ngân hàng tiến tới hội nhập khu vực và thế giới.
- Hệ thống kiểm tra nội bộ: GDB đã xây dựng được bộ phận kiểm tra nội bộ chuyên trách của Ngân hàng. Hệ thống kiểm tra nội bộ gồm các cán bộ có thâm niên trong ngành, kiểm tra việc thực hiện quy trình của Ngân hàng một cách độc lập, khách quan nhằm hạn chế những rủi ro và tăng hiệu quả hoạt động của Ngân hàng.
- Nguồn khách hàng: với quy chế quản lý quy trình cấp tín dụng thông thoáng và an toàn, đảm bảo hoàn tất hồ sơ trong thời gian nhanh nhất, GDB đã hấp dẫn được một lượng lớn các khách hàng cá nhân và tiểu thương đến với Ngân hàng, do vậy tỷ lệ lợi nhuận từ lãi vay của GDB cao, nhờ vậy đảm bảo được mức thu nhập và nâng cao khả năng cạnh tranh của GDB đối với các ngân hàng khác.
- Tốc độ tăng trưởng: là Ngân hàng TMCP có quy mô về vốn còn khiêm tốn so với các

Ngân hàng khác nên có nhiều cơ hội tăng trưởng vốn điều lệ cao trong thời gian. Mặt khác, GDB đang trên đà phát triển mở rộng hoạt động, đầu tư, đồng thời với sự hỗ trợ thiết thực và lâu dài của các cổ đông chiến lược, GDB sẽ đạt mức tăng trưởng cao về các mặt hoạt động nói chung.

8.7 Những cơ hội và thách thức

Năm 2008 là năm đầy biến động của kinh tế Việt Nam và hệ thống Ngân hàng gặp rất nhiều khó khăn. Giai đoạn hiện nay có thể nói là thời kỳ hội nhập với nền kinh tế thế giới, nên sẽ tồn tại nhiều cơ hội và thách thức và đặc biệt đối với ngành ngân hàng như sau:

8.7.1 Cơ hội

- Thực hiện cam kết mở cửa thị trường tài chính khi gia nhập WTO, dịch vụ ngân hàng bán lẻ trong nước vẫn còn nhiều tiềm năng chưa được khai thác và đặc biệt là mảng dịch vụ thanh toán thẻ trong dân cư. Với dân số hơn 83 triệu người, theo tính toán của các chuyên gia kinh tế thì thị trường Việt nam sẽ có một số lượng lớn người có nhu cầu sử dụng các loại thẻ thanh toán, trong khi hiện nay số lượng thẻ phát hành chỉ mới đạt khoảng 20 triệu thẻ với khoảng 15.000 máy ATM trên cả nước. Đây là cơ hội cho các ngân hàng thương mại Việt Nam.
- Sau hơn 02 năm hội nhập, mở cửa thị trường tài chính, khuôn khổ pháp lý đã dần được hoàn thiện và phù hợp với thông lệ quốc tế, đang dần hình thành môi trường kinh doanh bình đẳng và từng bước phân chia lại thị phần giữa các nhóm ngân hàng theo hướng cân bằng hơn. Do vậy, đây sẽ là một cơ hội cho các ngân hàng thể hiện bản lĩnh, xác định phương hướng và mục tiêu cho mình để tồn tại và vươn lên trong bối cảnh thị trường như hiện nay.
- Ngoài ra, việc mở cửa thị trường dịch vụ ngân hàng và nới lỏng hạn chế đối với các tổ chức tài chính nước ngoài là điều kiện để thu hút đầu tư trực tiếp vào lĩnh vực tài chính – ngân hàng, các NHTM trong nước có điều kiện để tiếp cận sự hỗ trợ kỹ thuật, tư vấn, đào tạo thông qua các hình thức liên doanh, liên kết với các ngân hàng và tổ chức tài chính quốc tế.
- Thêm vào đó, vấn đề hội nhập như hiện nay cũng sẽ giúp cho các ngân hàng trong nước có khả năng tiếp cận với thị trường tài chính quốc tế một cách dễ dàng hơn, do vậy hiệu quả huy động vốn và sử dụng vốn sẽ tăng lên, góp phần nâng cao chất lượng và loại hình hoạt động.

8.7.2 Thách thức

- Việc mở cửa thị trường tài chính sẽ làm tăng số lượng các ngân hàng có tiềm lực mạnh về tài chính, công nghệ và trình độ quản lý, áp lực cạnh tranh cũng tăng dần theo lộ trình nới lỏng các qui định đối với các tổ chức tài chính nước ngoài, nhất là về mở chi nhánh và các điểm giao dịch, phạm vi hoạt động, hạn chế về đối tượng khách hàng và tiền gửi được phép huy động, khả năng mở rộng dịch vụ ngân hàng, trong khi các tổ chức tài chính Việt Nam còn nhiều bất cập.
- Hoạt động ngành ngân hàng vẫn chưa thực sự khai thác hết những tiềm năng từ trong dân cư. Những nguyên nhân như lạm phát, lãi suất, thị trường chứng khoán, thị trường vàng, mức độ cạnh tranh...cũng khiến cho nhiều tầng lớp dân cư còn dè dặt khi gửi tiền vào ngân hàng.

- Việc sử dụng các dịch vụ về ngân hàng ở Việt Nam còn nhiều hạn chế do thói quen của người dân Việt Nam thích sử dụng tiền mặt trong thanh toán.
- Giữa các ngân hàng, còn thiếu sự liên kết, hợp tác chặt chẽ với nhau, do vậy đã làm giảm đáng kể hiệu quả kinh doanh của cả hệ thống ngân hàng. Hiện tại vẫn chưa có sự tương thích, liên kết trên diện rộng giữa các hệ thống phát hành các loại thẻ của các ngân hàng khác nhau. Dịch vụ thẻ ATM chưa kết nối chung toàn ngành Ngân hàng, vì thế đã hạn chế việc đáp ứng các nhu cầu về sử dụng thẻ trong dân cư. Bên cạnh đó, cơ sở hạ tầng của các ngân hàng phát triển vẫn không đồng đều, hệ thống chuyển mạch của các ngân hàng cũng không đồng bộ nên khó kết nối. Do vậy, các yếu tố này thực sự là thách thức đối với các Ngân hàng trong giai đoạn hội nhập.
- Mặc dù đã có những nỗ lực đáng ghi nhận trong việc hoàn thiện hệ thống các văn bản pháp luật liên quan đến dịch vụ ngân hàng, tuy nhiên hệ thống pháp luật ngân hàng hiện nay chưa thực sự hoàn chỉnh và đồng bộ, chưa đủ khả năng bao quát hết các vấn đề và phù hợp với thông lệ quốc tế. Một số dịch vụ ngân hàng phổ biến trên thị trường quốc tế dự kiến sẽ được phát triển ở Việt Nam theo Hiệp định thương mại Việt – Mỹ và sau khi gia nhập WTO như các công cụ phái sinh; công cụ về tỷ giá, lãi suất; thanh toán quốc tế; bảo tiêu; môi giới tiền tệ,... vẫn chưa được thể chế hoá phù hợp, đồng bộ.
- Hạ tầng công nghệ nói chung và công nghệ thông tin nói riêng còn phân tán, nhỏ lẻ và thiếu đồng bộ, do đó đã không thể hỗ trợ cho quá trình phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ ngân hàng. Mặc dù đã có những cải tiến đáng kể song tốc độ phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin trong ngân hàng còn chậm, cơ sở hạ tầng kỹ thuật thông tin-truyền thông còn yếu, dung lượng đường truyền thấp, giá thành đắt, chất lượng dịch vụ không ổn định nên chưa đáp ứng được yêu cầu của công cuộc đổi mới toàn diện hoạt động ngân hàng cũng như yêu cầu về hội nhập với khu vực và quốc tế.

9. Triển vọng phát triển của ngành

- Nền kinh tế Việt Nam thời gian qua luôn đạt mức tăng trưởng cao với tiềm năng duy trì tốc độ tăng trưởng trong các năm tiếp theo. Tốc độ tăng trưởng GDP năm 2008 đạt 6,2%, tăng trưởng xuất khẩu đạt 10,6%. Luồng vốn FDI được duyệt lên đến 64 tỷ USD, gấp 3 lần năm 2007. Tuy nhiên trên thực tế vốn giải ngân thực sự ít hơn nhiều chỉ khoảng 11 tỷ USD. Trong năm 2009 nguồn vốn FDI vào Việt Nam đã có sự suy giảm rõ rệt do ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu. Năm 2006 tổng số FDI thu hút được 00 tỷ USD. Năm 2007, số vốn FDI tăng lên tới 21,3 tỷ USD. Năm 2008, FDI đạt kỷ lục tăng lên tới 71,726 tỷ USD. Năm 2009 dù dòng vốn FDI toàn cầu suy giảm mạnh, nhưng vốn FDI đang ký vào Việt Nam vẫn đạt được con số 21,482 tỷ USD. Ngay trong bối cảnh có nhiều diễn biến phức tạp, không thuận lợi cả bên trong và bên ngoài, Việt Nam vẫn tiếp tục là điểm đến cho dòng vốn FDI với số vốn thực hiện 10 tỷ USD, vượt xa dự báo từ đầu năm. Dự kiến FDI thực hiện năm 2010 cũng sẽ tăng 10 so với năm 2009. Từ năm 2001 Việt Nam đã xây dựng chiến lược phát triển kinh tế hướng tới xuất khẩu và chiến lược này thực sự đã gặt hái được một số thành công. Tuy nhiên nền kinh tế Việt Nam đã trở nên phụ thuộc quá nhiều vào xuất khẩu khi xuất khẩu chiếm đến 70 % GDP. Tuy nhiên cuộc khủng hoảng toàn cầu hiện nay đã ảnh hưởng đến xuất khẩu của Việt Nam do các thị trường tiêu thụ sản phẩm bị thu hẹp.
- Thị trường vốn trong những năm qua luôn phát triển làm cho chu kỳ chuyển vốn trong nền kinh tế tốt hơn, sử dụng đồng tiền hiệu quả hơn sẽ tác động đến việc kiềm chế lạm phát. Sử dụng có hiệu quả hơn công cụ tiền tệ gián tiếp như dự trữ bắt buộc,

lãi suất chiết khấu, nghiệp vụ thị trường mở và áp dụng tỷ giá linh hoạt theo thị trường; tính chuyển đổi của đồng tiền Việt Nam được nâng cao hơn.

- Các đối tượng được tiếp cận và sử dụng các dịch vụ ngân hàng trong nền kinh tế đang dần được mở rộng hơn. Bên cạnh các khách hàng là doanh nghiệp nhà nước, các tổ chức kinh tế đã xuất hiện rất nhiều khách hàng là các loại hình dân cư, các doanh nghiệp ngoài quốc doanh, các doanh nghiệp vừa và nhỏ.
- Môi trường pháp lý cho hoạt động cung cấp các dịch vụ ngân hàng đang ngày càng hoàn thiện hơn. Ngân hàng Nhà nước điều hành các công cụ của chính sách tiền tệ linh hoạt phù hợp sự thay đổi với nền kinh tế.
- Các ngân hàng thương mại vẫn là các tổ chức cung cấp nguồn vốn chính cho nền kinh tế cho dù có thể giảm dần do các kênh dẫn vốn khác như thị trường chứng khoán, bất động sản, đầu tư trực tiếp của các doanh nghiệp sẽ được mở rộng hơn.
- Hoạt động cho vay đối với các doanh nghiệp vừa và nhỏ và các khách hàng cá nhân tăng lên đáng kể và tỷ trọng cho vay đối với doanh nghiệp nhà nước giảm đi. Các khách hàng lớn sẽ bắt đầu sử dụng các dịch vụ phòng ngừa rủi ro chất lượng cao của ngân hàng.
- Thị trường vốn trong nước được xây dựng hoàn chỉnh hơn. Tiến trình cổ phần hóa mở rộng nguồn hàng trên thị trường chứng khoán. Thị trường này dần đóng vai trò tích cực trong chuyển giao luồng vốn trực tiếp từ nhà đầu tư phục vụ nhu cầu của các doanh nghiệp. Bên cạnh đó, các thông tin tài chính của doanh nghiệp dần trở nên công khai, minh bạch, tạo điều kiện thuận lợi hơn cho các ngân hàng trong việc đánh giá chất lượng khách hàng và ra các quyết định đầu tư.
- Mô hình ngân hàng được chuyển đổi dần cùng với quá trình hiện đại hóa công nghệ và hệ thống thanh toán. Quy mô các chi nhánh sẽ từng bước được thu gọn và tiêu chuẩn hóa nhưng năng lực phục vụ sẽ được nâng cao rõ rệt.

10 Chính sách đối với người lao động

10.1 Số lượng người lao động

Tính đến thời điểm 31/12/2008, tổng số CBCNV của Ngân hàng là 368 người và đến 31/12/2009 là 540 người. Cơ cấu lao động của Ngân hàng phân theo giới tính, trình độ chuyên môn và thời hạn hợp đồng lao động được thể hiện trong bảng sau:

Bảng : Cơ cấu lao động

Đơn vị tính: người

	Năm 2008	Năm 2009	Quý 2/2010
Phân theo giới tính	368	540	568
- Nam	197	272	283
- Nữ	174	268	285
Phân theo trình độ chuyên môn	368	540	568
- Trên đại học	2	11	11

- Đại học	197	310	323
- Cao đẳng, Trung cấp	72	87	96
- Sơ cấp và khác	97	132	138
Phân theo thời hạn hợp đồng lao động	368	540	568
- Không xác định thời hạn	3	180	235
- Có xác định thời hạn (1 – 3 năm)	182	274	282
- Dưới 1 năm	183	86	51

10.2 Chính sách đào tạo, lương, thưởng, trợ cấp, các chế độ khác

10.2.1 Chính sách đào tạo

- Ban đào tạo của GDB căn cứ chương trình đào tạo đã được Ban lãnh đạo Ngân hàng thông qua từng giai đoạn để thực hiện các khóa huấn luyện tại chỗ theo từng chuyên đề nhằm nâng cao kỹ năng và trình độ nghiệp vụ cho cán bộ, nhân viên của Ngân hàng. Bên cạnh đó, GDB còn gửi cán bộ và nhân viên tham gia các khóa học ngắn hạn, dài hạn do các đơn vị đào tạo chuyên ngành tổ chức.
- Xây dựng môi trường làm việc thích hợp nhằm tạo điều kiện cho người lao động có thể phát huy năng lực sáng kiến để đạt chất lượng và hiệu quả trong công tác.

10.2.2 Chính sách lương, thưởng

- GDB đã thực hiện chế độ tiền lương khuyến khích người lao động làm việc tốt hơn. Cụ thể là:
- Tùy theo hiệu quả kinh doanh từng năm, GDB có áp dụng bổ sung lương và áp dụng chi thưởng đột xuất cho những cá nhân tập thể có thành tích đạt năng suất cao, sáng kiến tạo ra hiệu quả cho GDB.
- Thực hiện tiền lương, tiền thưởng làm đòn bẩy thu hút nhân tài, khuyến khích CBCNV phấn đấu hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao.

Bảng : Thu nhập bình quân của CBCNV qua các năm 2007-2009

Thu nhập của CBCNV	2007	2008	2009
Tổng thu nhập (nghìn đồng)	49.200	62.640	63.840
Thu nhập bình quân (nghìn đồng/người/tháng)	4.097	5.220	5.320

10.2.3 Chính sách đãi ngộ

Ngoài chính sách lương thưởng theo chế độ, hàng năm trong các đợt tăng vốn điều lệ, HĐQT và BTGD đều có chính sách ưu đãi đối với người lao động như: bán ưu đãi cổ

phần cho CBCNV, thành viên HĐQT, BKS các nhiệm kỳ theo giá bán bằng mệnh giá; tham gia góp vốn mua cổ phần các công ty mà GDB đầu tư với mức giá ưu đãi. Đây là nguồn thu nhập chính đáng cho CBCNV và Ban quản trị điều hành và là nguồn động viên khích lệ tinh thần làm việc của người lao động cũng như gắn bó quyền lợi và trách nhiệm của người lao động đối với sự nghiệp xây dựng và phát triển hoạt động của GDB.

10.2.4 Chính sách trợ cấp

Ngân hàng thực hiện chính sách đối với CBCNV theo quy định của Luật Lao động, ký kết hợp đồng lao động cho toàn thể CBCNV. CBCNV của Ngân hàng được hưởng đầy đủ các quyền lợi được quy định trong thỏa ước lao động tập thể được cơ quan chức năng thừa nhận: chi phí đồng phục, được mua bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, được khám sức khỏe định kỳ hàng năm, các chế độ cho việc thai sản, ốm đau, tử tuất, tham quan nghỉ mát...

10.2.5 Các chế độ chính sách khác đối với người lao động

Ngoài việc thực hiện các chế độ bảo đảm xã hội cho người lao động theo Luật Lao động, và thỏa ước lao động tập thể, thông qua hoạt động của Công đoàn, Ngân hàng cũng luôn quan tâm đến khuyến khích CBCNV tự rèn luyện chuyên môn cũng như chăm lo đời sống vật chất và tinh thần của CBCNV, cụ thể:

- Vận động thanh niên tự rèn luyện, học tập nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng nghiệp vụ, ngoại ngữ, vi tính để đáp ứng đòi hỏi của công việc.
- Tổ chức các cuộc thi nâng cao tay nghề của kiểm ngân viên, cán bộ tín dụng giỏi, cán bộ tin học giỏi... để đẩy mạnh phong trào lao động giỏi, lao động sáng tạo trong CBCNV.

11. Chính sách cổ tức

Căn cứ theo Điều lệ của GDB, tỷ lệ cổ tức hàng năm do Hội đồng quản trị đề xuất và được Đại hội đồng cổ đông quyết định dựa trên những cơ sở như sau :

- Ngân hàng tiến hành trả cổ tức cho cổ đông khi kinh doanh có lãi và đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;
- Tỷ lệ cổ tức trả cho cổ đông sẽ dựa trên đề xuất của HĐQT, kết quả kinh doanh của năm hoạt động và kế hoạch kinh doanh tài chính của năm tới và được Đại hội đồng cổ đông quyết định.

12. Tình hình hoạt động tài chính

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu giai đoạn 2008 –2009 và Quý 2/2010

12.1 Quy mô vốn

Chỉ tiêu	Năm 2008	Năm 2009	Quý 2/2010
- Vốn điều lệ	1.000.000	1.000.000	1.000.000
- Tổng tài sản có	3.348.406	3.329.942	3.323.388
- Tỷ lệ an toàn vốn	55,5%	45,11%	49,13%

12.2 Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Chỉ tiêu	Năm 2008	Năm 2009	Quý 2/2010
- Huy động tiền gửi	2.264.836	2.189.702	2.209.052
- Dư nợ cho vay	1.296.136	2.354.882	2.161.926
- Dư nợ quá hạn (từ N3-N5)	16.043	80.446	114.234
- Nợ có khả năng mất vốn (nhóm 5)	3.600	14.409	55.457
- Hệ số sử dụng vốn			
+ Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn CSH bình quân	0,59%	5,13%	
+ Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,15%	1,97%	
- Tỷ lệ nợ bảo lãnh quá hạn/Tổng số dư bảo lãnh	0	0	0
- Tỷ lệ nợ quá hạn (N3-5)/Tổng dư nợ	1,24%	3,42%	5,28%
- Tỷ lệ nợ nhóm 5/Tổng dư nợ	0,28%	0,61%	2,57%
12.3 Khả năng thanh khoản			
- Khả năng thanh toán ngay (lần)	6,5	4,1	3,21
- Tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn cho vay trung và dài hạn	0	11,28%	3,19%

12.4 Tài sản:

Giá trị tài sản cố định theo báo cáo tài chính của GDB tại thời điểm 31/12/2009 như sau:

Bảng : Giá trị TSCĐ tại thời điểm 31/12/2009

Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	Khoản mục	Nguyên giá	Giá trị còn lại	% Giá trị còn lại/Nguyên giá
A	Tài sản cố định hữu hình	91.818	81.015	88%
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	60.564	56.207	92,8%
2	Máy móc, thiết bị & Dụng cụ quản lý	10.775	7.858	72,93%
3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	19.742	16.482	83,49%
4	Tài sản hữu hình khác	737	468	63,5%

B	Tài sản cố định vô hình	47.628	46.935	99%
1	Quyền sử dụng đất	43.992	0	100%
2	Phần mềm vi tính	3.636	2.943	81%
	Tổng cộng	139.446	127.950	91,17%

12.5 Chi phí xây dựng cơ bản đang thực hiện đến 31/12/2009:

Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	Khoản mục	Giá trị
1	Công trình Phòng Giao dịch Phú Mỹ Hưng	22.369
2	Công trình Phòng Giao dịch Bình Dương	3.484
3	Công trình nhà Hoa Lan, P2, Q Phú Nhuận	2.041
	Tổng cộng	27.894

12.6 Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Căn cứ vào những dự báo về tiềm năng phát triển của nền kinh tế Việt Nam trong thời gian tới nói chung và của ngành ngân hàng Việt Nam nói riêng, căn cứ vào định hướng chiến lược phát triển của ngành ngân hàng Việt Nam cùng với việc đánh giá những cơ hội, thách thức và vị thế hiện tại của mình, GDB đã đưa ra kế hoạch lợi nhuận và cổ tức cho 3 năm tới (2010– 2012) như sau:

Bảng : Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của Ngân hàng giai đoạn 2010 – 2012

Đơn vị tính: tỷ đồng

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012	
		Giá trị, tỷ lệ	Giá trị, tỷ lệ	Giá trị, tỷ lệ	tăng giảm so với 2010
1	Doanh thu	783	1.409	1.973	152%
2	Lợi nhuận trước thuế	200	400	600	200%
3	Lợi nhuận sau thuế	150	300	450	200%
4	Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Doanh thu	19,2%	21,3%	22,8%	
5	Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn CSH	4,7%	9,2%	10,4%	
6	Tỷ lệ cổ tức dự kiến (LNST/VĐL)	10,0%	8,6%	10,0%	

Dự báo kế hoạch tài chính của GDB từ nay đến 2012 được xây dựng trong điều kiện GDB bước sang giai đoạn phát triển mới, mở đầu bằng sự thành công trong triển khai hệ thống Corebanking, với sự hợp tác và hỗ trợ tích cực từ các cổ đông chiến lược như Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam,... Những thông số trên có thể có những sai số nhất định, tuy nhiên cũng đã được tính toán dựa trên những chỉ số tốc độ tăng trưởng ngành ngân hàng Việt Nam cũng như yếu tố then chốt nhất, đặc thù của GDB.

13. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều Hành

13.1 Danh sách Hội đồng Quản trị hiện nay (được chuẩn y theo Quyết định số 1232/QĐ-NHNN ngày 24/5/2010 của Thống đốc NHNN).

- | | |
|--------------------------------------|--|
| 1. Họ và tên: | Ông Ngô Quang Trung |
| - Giới tính: | Nam |
| - Ngày tháng năm sinh: | 10/12/1973 |
| - Nơi sinh: | Nam Định |
| - Quốc tịch: | Việt Nam |
| - Dân tộc: | Kinh |
| - Quê quán: | Xã Xuân Đài, huyện Xuân Trường, Nam Định. |
| - Địa chỉ thường trú: | 61 Hai Bà Trưng, Hà Nội. |
| - Trình độ chuyên môn: | Thạc sỹ Đại học New Southwales, Úc; Cử nhân kinh tế. |
| - Quá trình công tác: | |
| ➤ Từ 1991 – 1995: | Học tại trường Đại học Kinh tế quốc dân Hà Nội |
| ➤ 1995 – 1996: | Cán bộ phòng bảo lãnh, HSC Vietcombank |
| ➤ 1996 - 1999: | Cán bộ phòng thẩm định đầu tư, HSC Vietcombank |
| ➤ 1999 - 2000: | Học tại trường Đại học Tổng hợp New South Wales, Úc. |
| ➤ 2000 – 2001: | Phó phòng Tổng hợp và phân tích, HSC Vietcombank |
| ➤ 2001 - 2003: | Phó phòng Tổ chức CB & ĐT, HSC Vietcombank |
| ➤ 2003 - 2007: | Trưởng phòng quan hệ khách hàng, HSC Vietcombank |
| ➤ 01/2007 - 9/2007: | Trưởng phòng chính sách tín dụng, HSC Vietcombank |
| ➤ 10/2007 - 06/2009: | Phó Giám đốc Sở Giao dịch I Vietcombank |
| ➤ 07/2009 đến nay: | Giám đốc Công ty chứng khoán Vietcombank |
| - Chức vụ công tác hiện nay: | Giám đốc Công ty chứng khoán Vietcombank; Thường vụ, ủy viên ban chấp hành Đoàn Thanh niên Ngân hàng Trung ương; Ủy viên ban chấp hành Đảng ủy Vietcombank; Chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Gia Định. |
| - Số cổ phần đại diện: | 4.000.000 cổ phần (4%) |
| - Hành vi vi phạm pháp luật: | Không có |
| - Quyền lợi mâu thuẫn với Ngân hàng: | Không có |

- Những người có liên quan: Không có
- 2. Họ và tên: Ông Nguyễn Văn Cựu**
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 30/10/1972
- Nơi sinh: Quảng Ngãi
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Quảng Ngãi
- Địa chỉ thường trú: 250 Tô Hiến Thành, Quận 10, Tp HCM
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị Kinh Doanh – IMPAC UNIVERSITY Hoa Kỳ, cử nhân tài chính – tín dụng Đại học Ngân hàng, cử nhân Luật.
- Quá trình công tác:
 - Từ 1996 – 1998: Công tác tại Công ty TNHH TM Phước Viên
 - 1999 – 2000: Chủ tịch HĐQT Công ty liên doanh gạch men Ý Mỹ
 - 2000 – 2004: Thành viên HĐQT Công ty TNHH xe máy Đô Thành
 - 2004– 2006: Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty Ô tô Đô Thành
 - Tháng 08/09 đến nay: Phó chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Gia Định.
- Chức vụ công tác hiện nay: Phó chủ tịch HĐQT Ngân hàng TMCP Gia Định; Chủ tịch HĐQT Công ty CP Chứng khoán Beta.
- Số cổ phần nắm giữ: 4.744.010 cổ phần (4,744%)
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Ngân hàng: Không có
- Những người có liên quan: Không có
- 3. Họ và tên: Ông Nguyễn Văn Tuấn**
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 16/09/1969
- Nơi sinh: Yên Hồng, Ý Yên, Nam Định
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: 37 Cầu Gỗ, Hoàn Kiếm, Hà Nội
- Địa chỉ thường trú: 37 Cầu Gỗ, Hoàn Kiếm, Hà Nội
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ quản lý Đại học Libre De -Bruxelles (Bỉ), cử nhân ngoại ngữ
- Quá trình công tác:

- Từ 02/1993 – 04/1973: Nhân viên Phòng thanh toán Nhập khẩu Vietcombank
 - 05/1993 – 10/1994: Cán bộ bộ phận đầu tư bảo lãnh VCB, CN HCM
 - 06/1995 – 05/1996: Trưởng phòng chứng khoán và đầu tư Vietcombank
 - 06/1996 – 03/1998: Trưởng phòng thẩm định đầu tư Vietcombank
 - 04/1998 – 03/2000: Trưởng phòng quản lý các đề án công nghệ VCB
 - 04/2000 – 08/2001: Trưởng phòng quản lý tín dụng Vietcombank.
 - 09/2001 – 05/2002: Trưởng phòng Quan hệ Ngân hàng đại lý Vietcombank
 - 06/2002 – 07/2006: Trưởng ban triển khai dự án hiện đại hóa Vietcombank
 - 08/2006 – 05/2007: Trưởng phòng –Trợ lý Tổng Giám đốc Vietcombank
 - 06/2007 đến nay: Phó Tổng Giám đốc Vietcombank, thành viên Hội đồng Quản trị Ngân hàng TMCP Gia Định.
 - Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng Giám đốc Vietcombank ; Chủ tịch Công đoàn Hội sở chính Vietcombank ; Phó bí thư chi bộ 1, Đảng bộ Ngân hàng trung ương; Thành viên Hội đồng Quản trị Ngân hàng TMCP Gia Định.
 - Số cổ phần đại diện: 3.406.307 cổ phần (3,4%)
 - Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
 - Quyền lợi mâu thuẫn với Ngân hàng: Không có
 - Những người có liên quan: Không có
- 4. Họ và tên: Bà Trần Tuấn Anh**
- Giới tính: Nữ
 - Ngày tháng năm sinh: 27/3/1976
 - Nơi sinh: Thanh Hóa
 - Quốc tịch: Việt Nam
 - Dân tộc: Kinh
 - Quê quán: Thạch Long, Huyện Thạch Thành, Tỉnh Thanh Hóa
 - Địa chỉ thường trú: 205 C/c An Hòa, KĐT nam Long, Trần Trọng Cung, Q7
 - Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Luật Kinh tế; Cử nhân Tài chính – Ngân hàng
 - Quá trình công tác:
 - Từ năm 1999 – 3/2009: Luật sư thuộc Đoàn Luật sư TP.Hồ Chí Minh (từ 2007 đến nay), Phó trưởng Phòng Dịch vụ Địa ốc HDBank, Trưởng Ban Pháp chế HDBank.
 - Từ tháng 3/2009 – 3/2010: Trợ lý Tổng Giám đốc kiêm Trưởng phòng Pháp chế Ngân hàng TMCP Gia Định.
 - Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT Ngân hàng TMCP Gia Định. Trưởng Văn phòng Luật sư Trần Tuấn Anh.
 - Số cổ phần đại diện: 1.832.817 cổ phần (1,8%)

- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Ngân hàng: Không có
- Những người có liên quan: Không có
- 5. Họ và tên: Ông Đỗ Hà Nam**
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 28/9/1956
- Nơi sinh: Quảng Nam
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Hà Đông
- Địa chỉ thường trú: 86 Cù lao, Phường 2, Quận Phú Nhuận, TP.HCM
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Bách khoa; Cử nhân Kinh tế Ngoại thương
- Quá trình công tác:
 - 1984 – 1989: Phó Trưởng phòng Kế hoạch Công ty Vật tư tổng hợp Phú Khánh
 - 1990 – 1991: Phó Giám đốc Chi nhánh Công ty XNK Intimex tại Đà Nẵng
 - 1991 – 1995: Giám đốc Chi nhánh Công ty XNK Intimex tại Đà Nẵng
 - 1996 – 1999: Giám đốc Chi nhánh Công ty XNK Intimex tại TP. HCM
 - 2000 – 2006: Phó TGD Công ty XNK Intimex, kiêm Giám đốc Chi nhánh Công ty XNK Intimex tại TP.HCM
 - 2006 – 2009: Quyền TGD Công ty XNK Intimex; Chủ tịch HĐQT kiêm TGD Công ty CP XNK Intimex (Intimex HCM).
 - 2009 – Nay : Phó Chủ tịch HĐQT Công ty CP Intimex Việt Nam; Chủ tịch HĐQT Công ty CP XNK cà phê Intimex Nha Trang; Chủ tịch HĐQT Công ty CP Đầu tư Intimex; Chủ tịch HĐQT Công ty CP Bê Tông Hòa Cầm – Intimex; Chủ tịch hiệp hội cà phê Việt Nam; Phó Chủ tịch Hiệp hội cà phê, ca cao Việt Nam.
- Chức vụ công tác hiện nay: Phó Chủ tịch HĐQT Công ty CP Intimex Việt Nam; Chủ tịch HĐQT Công ty CP XNK cà phê Intimex Nha Trang; Chủ tịch HĐQT Công ty CP Đầu tư Intimex; Chủ tịch HĐQT Công ty CP Bê Tông Hòa Cầm – Intimex; Chủ tịch hiệp hội cà phê Việt Nam; Phó Chủ tịch Hiệp hội cà phê, ca cao Việt Nam ; Thành viên HĐQT độc lập Ngân hàng TMCP Gia Định.
- Số cổ phần nắm giữ: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

- Quyền lợi mâu thuẫn với Ngân hàng: Không có
- Những người có liên quan: Không có

13.2 Danh sách Ban kiểm soát hiện nay. (được chuẩn y theo Quyết định số 1232/QĐ-NHNN ngày 24/5/2010 của Thống đốc NHNN).

1. Họ và tên: Ông Lý Công Nha

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 01/11/1967
- Nơi sinh: Bạc Liêu
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Bạc Liêu
- Địa chỉ thường trú: P308, Lô K, C/c Bàu Cát II, Quận Tân Bình, TP.HCM
- Trình độ văn hóa: Đại học Ngân hàng TP HCM.
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác:
 - 1998-07/2006: Trưởng phòng tài chính thanh toán quốc tế Vietcombank CN Cà Mau.
 - 08/2006-08/2009: Trưởng phòng kế toán tài chính quản lý nợ Vietcombank CN Phú Thọ, Q.10, TP.HCM.
- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Ban kiểm soát Ngân hàng TMCP Gia Định
- Số cổ phần nắm giữ: 100 cổ phần
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Ngân hàng: Không có
- Những người có liên quan: Không có

2. Họ và tên: Bà Nguyễn Bích Thủy

- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 20/04/1975
- Nơi sinh: Nghệ An
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Nghệ An
- Địa chỉ thường trú: số 4 Phan Huy Ích, quận Ba Đình, Hà Nội.
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ tài chính ĐH Keio, Tokyo, Nhật Bản
- Quá trình công tác:
 - Từ 1997-2002: Cán bộ phòng kế toán tài chính Hội sở chính

- Vietcombank
- 2002 - 2003: Cán bộ phòng kế toán kinh doanh vốn Hội sở chính Vietcombank
 - 2003 – 2006 : Học thạc sỹ tại ĐH Keio, Tokyo, Nhật Bản
 - 2006 – nay: Chuyên viên Phòng quản lý vốn liên doanh – cổ phần HSC Vietcombank
 - Chức vụ công tác hiện nay: Chuyên viên Phòng quản lý vốn liên doanh – cổ phần Hội sở chính Vietcombank; Thành viên Ban kiểm soát Ngân hàng TMCP Gia Định
 - Số cổ phần nắm giữ: Không có
 - Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
 - Quyền lợi mâu thuẫn với Ngân hàng: Không có
 - Những người có liên quan: Không có
- 3. Họ và tên: Bà Trần Thị Bông**
- Giới tính: Nữ
 - Ngày tháng năm sinh: 02/7/1981
 - Nơi sinh: Thừa Thiên Huế
 - Quốc tịch: Việt Nam
 - Dân tộc: Kinh
 - Quê quán: Thừa Thiên Huế
 - Địa chỉ thường trú: 43/29/10, Vườn Lài, P An Phú Đông, Q 12, Tp. HCM
 - Trình độ chuyên môn: Cử nhân Luật Kinh tế; Cử nhân Ngoại ngữ
 - Quá trình công tác:
 - Từ 2004 đến nay: Luật sư Đoàn Luật sư tỉnh Long An (từ 2007); Trợ lý Kiểm toán viên Công ty Tư vấn Luật & Kiểm toán Hoàng Gia – SCCT (từ năm 2004 đến năm 2007); Chuyên viên Pháp chế Công ty CP Đầu tư Quốc tế C.S.Q (từ năm 2007 đến năm 2008); Phó phòng Pháp chế Công ty CP Đầu tư Quốc tế C.S..
 - Chức vụ công tác hiện nay: Phó phòng Pháp chế Công ty CP Đầu tư Quốc tế C.S.Q Thành viên Ban kiểm soát Ngân hàng TMCP Gia Định.
 - Số cổ phần nắm giữ: 10.000 cổ phần (0,001 %).
 - Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
 - Quyền lợi mâu thuẫn với Ngân hàng: Không có
 - Những người có liên quan: Không có

15. Ban Điều Hành

- 1. Họ và tên:** Bà Phạm Thị Mỹ Chi
- Giới tính: Nữ
 - Ngày tháng năm sinh: 20/04/1964
 - Nơi sinh: TP Hồ Chí Minh
 - Quốc tịch: Việt Nam
 - Dân tộc: Kinh
 - Quê quán: TP. Hồ Chí Minh
 - Địa chỉ thường trú: 271 Ngô Quyền, Phường 6, Quận 10, Tp HCM
 - Trình độ chuyên môn: Cử nhân ngân hàng
 - Quá trình công tác:
 - 11/1986 - 09/1989: Giáo viên trường Đại học Ngân hàng TP. HCM.
 - 10/1989 - 09/1992 : Chuyên viên kế toán, chuyên viên tín dụng HDBank
 - 10/1992 – 05/1994: Phó phòng kế toán Hội sở HDBank.
 - 06/1994 – 09/1995: Phó phòng Kế toán giao dịch kiêm kiểm soát viên HDBank.
 - 10/1995 – 12/1995: Phó phòng kế toán Hội sở HDBank.
 - 01/1996 – 07/1996: Trưởng phòng kế toán Hội sở HDBank.
 - 08/1996 – 10/2007 : Kế toán trưởng HDBank.
 - 2007 – 8/2009: Phó Tổng Giám đốc – kiêm kế toán trưởng HD Bank.
 - Chức vụ công tác hiện nay: Phó TGD thường trực Ngân hàng TMCP Gia Định
 - Số cổ phần nắm giữ: Không có
 - Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
 - Quyền lợi mâu thuẫn với Ngân hàng: Không có
 - Những người có liên quan: Không có
- 2. Họ và tên:** Ông Nguyễn Duy Phú
- Giới tính: Nam
 - Ngày tháng năm sinh: 22/12/1962
 - Nơi sinh: Hải Dương
 - Quốc tịch: Việt Nam
 - Dân tộc: Kinh
 - Quê quán: Hải Dương
 - Địa chỉ thường trú: 502/16 Nguyễn Đình Chiểu, P4, Q 3, TP. HCM
 - Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

- Quá trình công tác:
 - Từ 1985 – 1987 : Phục vụ trong quân ngũ (Binh đoàn 12)
 - 1988-1990 : Cán bộ Tín dụng – Ngân hàng Công thương Việt Nam
 - 1990-1996: Trưởng phòng Kinh doanh ngoại tệ – Ngân hàng Công Thương Việt Nam
 - 1996-1997: Đại diện cho Ngân hàng TMCP Công Thương tại Công ty Xi măng Phúc Sơn
 - 1998-1999: Thư ký/Trợ lý Tổng giám đốc Ngân hàng Công thương.
 - 1999-2005: Kế toán trưởng – Công ty cho thuê Tài chính Quốc tế Việt Nam
 - 2006 – 04/2009 : Phó Tổng giám đốc, Chủ tịch Techcombank AMC
- Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP Gia Định
- Số cổ phần nắm giữ: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Ngân hàng: Không có
- Những người có liên quan: Không

3. Họ và tên: Bà Nguyễn Thị Thu Hà

- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 07/05/1968
- Nơi sinh: Hà Nội
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Quê quán: Bến Tre
- Địa chỉ thường trú: 135/21 Nguyễn Hữu Cảnh, Phường 22, Quận Bình Thạnh, Tp HCM
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác:
 - Từ 10/1992 – 10/ 1994: Tập sự tại thanh tra Ngân hàng Nhà Nước, Chi nhánh Ngân hàng Nhà nước Tp Hồ Chí Minh.
 - Tháng 10/1994: Tuyển vào biên chế, ngạch chuyên viên tại thanh tra Ngân hàng Nhà Nước Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.
 - Tháng 12/2001: Thanh tra viên Ngân hàng Nhà Nước Chi nhánh TP. HCM
 - Tháng 04/2003- 01/2008: Phó chánh thanh tra NHNN Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.
- Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Gia Định
- Số cổ phần nắm giữ: Không có
- Hành vi vi phạm pháp luật: Không có

- Quyền lợi mâu thuẫn với Ngân hàng: Không có
- Những người có liên quan: Không có

IV. CHỨNG KHOÁN ĐĂNG KÝ

1. **Loại cổ phiếu:** Cổ phiếu phổ thông có ghi tên
 2. **Mệnh giá 10.000 :** 10.000 VNĐ/01 cổ phiếu
 3. **Tổng số chứng khoán đăng ký:** 200.000.000 cổ phiếu
 4. **Đối tượng phát hành:** Cổ đông hiện hữu; nhà đầu tư bên ngoài
- Việc chào bán cho các đối tượng được thực hiện theo quy định của pháp luật.
 - Tổng số lượng cổ phiếu sẽ phát hành để tăng vốn điều lệ là 200 triệu cổ phiếu, tương đương với 2000 tỷ đồng, chia làm 02 đợt phát hành như sau:

Đợt 1: Tăng vốn từ 1.000 tỷ đồng lên 2.000 tỷ đồng

- a) Phát hành 3.593.000 cổ phiếu thưởng, tương đương 35,93 tỷ đồng:
 - Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần.
 - Đối tượng phát hành: cho cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại ngày chốt danh sách cổ đông sau khi được NHNN và UBCKNN chấp thuận.
 - Tỷ lệ thực hiện quyền: 100:3,593 tương đương 3,593%.
 - Phương thức phát hành: phát hành cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền. Quyền nhận cổ phiếu thưởng không được phép chuyển nhượng.
 - Xử lý số cổ phiếu lẻ phát sinh (nếu có): Cổ phiếu thưởng phát hành cho cổ đông hiện hữu sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị. Phần cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn (nếu có) sẽ được phát hành bổ sung trong đợt 2/2010.
- b) Phát hành 96.407.000 cổ phiếu, tương đương 964,070 tỷ đồng:
 - Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phần.
 - Đối tượng phát hành: cho cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại ngày chốt danh sách cổ đông sau khi được NHNN và UBCKNN chấp thuận.
 - Tỷ lệ thực hiện quyền: 100: 96,407 tương đương 96,407%.
 - Phương thức phát hành: phát hành cho cổ đông hiện hữu theo phương thức thực hiện quyền.
 - Xử lý số cổ phiếu lẻ phát sinh và cổ phiếu do cổ đông không thực hiện quyền mua (nếu có): Cổ phiếu lẻ phát sinh trong đợt chào bán cho cổ đông hiện hữu sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị. Phần cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn (nếu có) và cổ phiếu do cổ đông không thực hiện quyền mua sẽ được phát hành bổ sung trong đợt 2/2010.

Đợt 2: Tăng vốn từ 2.000 tỷ đồng lên 3.000 tỷ đồng

- Số lượng cổ phần chào bán: 100.000.000 cổ phần và số cổ phần còn lại chưa phát hành của đợt 1/2010 bao gồm số cổ phiếu thưởng lẻ, số cổ phiếu lẻ do chào bán và số cổ phần do cổ đông không thực hiện quyền mua trong chào bán.

- Giá phát hành : 10.000 đồng/cổ phần.
- Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho HĐQT quyết định số lượng cụ thể để đảm bảo mức vốn điều lệ đạt 3.000 tỷ đồng.
- Phương thức chào bán: theo phương thức thực hiện quyền.
- Tỷ lệ thực quyền: Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho HĐQT quyết định tỷ lệ thực hiện quyền cổ đông trên số lượng cổ phần chào bán cụ thể của đợt 2. Quyền mua cổ phần sẽ được phân phối theo danh sách người sở hữu cuối cùng tại này chốt danh sách phân bổ quyền mua sau khi được NHNN và UBCKNN chấp thuận. Số cổ phần chào bán sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị. Quyền mua cổ phần chỉ được phép chuyển nhượng một lần cho người khác theo giá thỏa thuận giữa hai bên.
- Xử lý số cổ phiếu lẻ phát sinh và cổ phiếu do cổ đông không thực hiện quyền mua (nếu có): Cổ phiếu lẻ phát sinh trong đợt chào bán cho cổ đông hiện hữu sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị. Phần cổ phiếu lẻ phát sinh do làm tròn (nếu có) và cổ phiếu do cổ đông không thực hiện quyền mua trong đợt 2 sẽ thực hiện theo phương án của HĐQT về việc xử lý cổ phiếu lẻ và cổ phiếu do cổ đông không thực hiện quyền mua.

5. Phương án xử lý số cổ phần bán không hết:

- Số cổ phần lẻ và số cổ phần do cổ đông không thực hiện quyền mua phát sinh trong các đợt chào bán, HĐQT tiếp tục chào bán cho các cổ đông trong nước có nhu cầu với mức giá và điều kiện phù hợp, nhưng không thấp hơn giá chào bán cho cổ đông hiện hữu.
- Sau khi kết thúc đợt phát hành mà số lượng cổ phần không được chào bán hết, HĐQT sẽ tiếp tục chào bán cho các nhà đầu tư trong nước có nhu cầu theo mức giá và điều kiện phù hợp, nhưng không thấp hơn giá chào bán cho cổ đông hiện hữu, đồng thời xin phép UBCKNN cho gia hạn thời gian chào bán nếu thấy cần thiết.

6. Thời gian phân phối.

Ngày chốt Danh sách cổ đông hưởng quyền mua cổ phần, thời hạn đăng ký mua cổ phần, thời hạn thanh toán và chuyển nhượng quyền mua cổ phần sẽ do Hội đồng quản trị GDB quyết định và thông báo sau khi được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận chào bán cổ phần ra công chúng.

Dự kiến thời gian của việc phân phối cổ phiếu của các đợt phát hành:

- Đợt 1: trong quý III năm 2010.
- Đợt 2: trong quý IV năm 2010.

7. Lịch trình phân phối cổ phiếu

Sau khi nhận được Giấy chứng nhận chào bán do UBCKNN cấp, lộ trình triển khai các công việc tiếp theo như sau:

- *Tăng vốn đợt 1 năm 2010*: GDB tiến hành chốt danh sách và phát hành cổ phiếu thưởng, chào bán cho cổ đông hiện hữu trong quý III/2009.

	Công việc triển khai	Thời gian thực hiện
1	Công bố thông tin đại chúng về việc chào bán cổ phiếu và	D

	thông báo ngày chốt danh sách cổ đông hiện hữu	
2	Chốt danh sách cổ đông để phân bổ cổ phiếu thưởng và quyền mua cổ phiếu	(D+10)
3	Các cổ đông tiến hành đăng ký mua, chuyển nhượng quyền và nộp tiền mua cổ phần.	(D+11) đến (D+31)
4	Tổng hợp danh sách các cổ đông hiện hữu đặt mua cổ phần và xử lý cổ phiếu lẻ Lập báo cáo trình HĐQT để xử lý số cổ phần lẻ và không chào bán hết Chuyển số tiền đặt mua cổ phần vào tài khoản Ngân hàng phong tỏa	(D+32)
5	Xử lý số cổ phiếu lẻ và số cổ phần không chào bán hết (nếu có)	(D+33) đến (D+36)
6	Báo cáo UBCKNN về kết quả của đợt phát hành.	D+45

- *Tăng vốn đợt 2 năm 2010*: dự kiến phát hành vào Quý IV/2010.

Sau khi báo cáo kết quả tăng vốn đợt 1 sẽ trình UBCKNN về việc phát hành cổ phiếu đợt 2/2010. Thực hiện lịch trình như sau:

	Công việc triển khai	Thời gian thực hiện
1	Công bố thông tin đại chúng về việc chào bán cổ phiếu và thông báo ngày chốt danh sách cổ đông hiện hữu	D
2	Chốt danh sách cổ đông để phân bổ quyền mua cổ phiếu	(D+10)
3	Các cổ đông tiến hành đăng ký mua, chuyển nhượng quyền và nộp tiền mua cổ phần.	(D+11) đến (D+31)
4	Tổng hợp danh sách các cổ đông hiện hữu đặt mua cổ phần và xử lý cổ phiếu lẻ Lập báo cáo trình HĐQT để xử lý số cổ phần lẻ và không chào bán hết Chuyển số tiền đặt mua cổ phần vào tài khoản Ngân hàng phong tỏa	(D+32)
5	Xử lý số cổ phiếu lẻ và số cổ phần không chào bán hết (nếu có)	(D+33) đến (D+36)
6	Báo cáo UBCKNN về kết quả của đợt phát hành cổ phiếu	D+45

Khoảng cách giữa 02 đợt phát hành tối đa không quá 12 tháng theo quy định.

8. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với nhà đầu tư nước ngoài

- GDB thực hiện việc phát hành cổ phần cho nhà đầu tư nước ngoài theo quy định tại

Nghị định số 69/2007/NĐ-CP ngày 20/04/2007 của Chính phủ về việc nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần của các ngân hàng thương mại Việt Nam.

- Tính đến thời điểm hiện tại, căn cứ vào sổ quản lý theo dõi cổ đông của Ngân hàng, số cổ phần của các cổ đông nước ngoài tại Ngân hàng là: 0 cổ phần (0%).

9. Các loại thuế có liên quan

9.1 Thuế liên quan đến tổ chức phát hành chứng khoán

Các loại thuế GDB phải nộp cho ngân sách nhà nước:

- Thuế GTGT: hoạt động về dịch vụ tín dụng (hoạt động cho vay theo nguyên tắc hoàn trả vốn) không thuộc đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng, kinh doanh ngoại tệ và các dịch vụ khác thuế suất 10%.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp: thực hiện theo Thông tư số 130/2008/TT-BTC hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 và hướng dẫn thi hành Nghị định số 124/2008/NĐ-CP ngày 11/12/2008 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp.
- Thuế nhà đất.
- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

9.2 Thuế liên quan đến hoạt động giao dịch chứng khoán

- Thông tư số 100/2004/TT-BTC ngày 20/10/2004 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn về thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp đối với lĩnh vực chứng khoán, Thông tư số 72/2006/TT-BTC ngày 10/08/2006 của Bộ Tài chính sửa đổi và bổ sung Thông tư số 100/2004/TT-BTC quy định như sau:
 - **Các tổ chức kinh doanh hạch toán kinh tế độc lập:** gồm các doanh nghiệp thuộc mọi loại hình, hoạt động kinh doanh trên mọi lĩnh vực (trừ công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ) có thực hiện hạch toán kinh tế độc lập, như doanh nghiệp Nhà nước, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh, doanh nghiệp hoạt động theo Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, tổ chức kinh tế của các tổ chức chính trị, xã hội, nghề nghiệp, tham gia đầu tư chứng khoán. Hoạt động đầu tư chứng khoán của các tổ chức này là hoạt động tài chính, do vậy thu nhập từ đầu tư chứng khoán trong kỳ tính thuế phải gộp chung với thu nhập từ hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp để tính thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định chung.
 - **Các tổ chức khác** (trừ tổ chức kinh doanh hạch toán kinh tế độc lập nói trên, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, quỹ đầu tư chứng khoán) gồm các quỹ đầu tư nước ngoài, tổ chức nước ngoài được thành lập theo pháp luật nước ngoài, không có pháp nhân tại Việt Nam nhưng có mở tài khoản đầu tư chứng khoán tại Việt Nam: thực hiện nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo phương thức khoán. Số thuế phải nộp được xác định bằng 0,1% tổng giá trị chứng khoán bán ra tại thời điểm chuyển nhượng.
 - **Các công ty chứng khoán và công ty quản lý quỹ:** chênh lệch giá chứng khoán mua bán trong kỳ, thu lãi trái phiếu (trừ trái phiếu được miễn thuế theo qui định của pháp luật) từ hoạt động tự doanh của công ty chứng khoán, hoạt động đầu tư tài chính của công ty quản lý quỹ được tính vào “doanh thu để tính thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế”.

- **Các cá nhân đầu tư chứng khoán:** bao gồm các cá nhân trong và ngoài nước đầu tư chứng khoán tại Việt Nam tạm thời chưa phải nộp thuế thu nhập đối với khoản thu nhập từ cổ tức, lãi trái phiếu, chênh lệch mua bán chứng khoán và các khoản thu nhập khác từ đầu tư chứng khoán theo qui định hiện hành.

◆ **Ngân hàng TMCP Gia Định mở tài khoản phong tỏa:**

- * Tên tài khoản : Ngân hàng TMCP Gia Định
- * Số tài khoản : 200034849001321
- * Tại ngân hàng : Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam- Hội sở _Tp.HCM
- * Địa chỉ : 07 Lê Thị Hồng Gấm, P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP HCM.
- * Điện thoại : 08 3821 0055

V. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

1 Mục đích chào bán:

Chào bán thêm cổ phiếu nhằm tăng vốn điều lệ của GDB đợt 1 lên 2.000 tỷ đồng và đợt 2 tăng lên 3.000 tỷ đồng, nhằm đáp ứng nhu cầu mở rộng mạng lưới hoạt động của Ngân hàng; phát triển sản phẩm dịch vụ; phát triển nghiệp vụ đầu tư, tín dụng và tài trợ xuất nhập khẩu, giảm áp lực huy động vốn từ các nguồn khác và gia tăng khối lượng, giá trị cổ phiếu cho các cổ đông. Bên cạnh đó đồng thời nhằm đáp ứng yêu cầu của Quyết định 141/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 11 năm 2006 của chính Phủ.

2 Kết quả thu được và Kế hoạch sử dụng vốn.

Theo Báo cáo kiểm toán vốn tính đến ngày 31/12/2009 thì Ngân hàng Gia Định có thặng dư là 35,93 tỷ đồng, số vốn thặng dư này sẽ được bổ sung vào nguồn vốn điều lệ của năm 2010. Như vậy, tổng giá trị thu được sau 02 đợt phát hành là 2.000 tỷ đồng. Số tiền này dự kiến sẽ được phân bổ cho các dự án như sau:

2.1 Đầu tư cơ sở vật chất, công nghệ, TSCĐ: khoảng 15%, tương đương 300 tỷ đồng.

2.2 Bổ sung vốn kinh doanh và nguồn vốn trung dài hạn: khoảng 85% tương đương 1.700 tỷ đồng. Dự kiến sử dụng cho hoạt động đầu tư tài chính, góp vốn, mua cổ phần 700 tỷ đồng, bổ sung vốn cho vay trung, dài hạn 1.000 tỷ đồng.

HĐQT sẽ chịu trách nhiệm cân đối và phân bổ số tiền thu được từ đợt chào bán vào các hoạt động đầu tư TSCĐ, bổ sung nguồn vốn trung, dài hạn một cách hợp lý nhất, giải ngân theo tiến độ thực hiện thực tế, đảm bảo hiệu quả.

VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT CHÀO BÁN

1. Tổ chức kiểm toán

CÔNG TY TNHH ERNST & YOUNG VIỆT NAM

- Địa chỉ: tầng 8, 2A – 4A Tôn Đức Thắng, quận 1, TP Hồ Chí Minh.
- Điện thoại: (84-8) 3824 5252

- Fax: (84-8) 3824 5250
- Website: www.ey.com

2. Tổ chức tư vấn phát hành

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BÊ TA

- Địa chỉ: 16 Nguyễn Trường Tộ, phường 12, quận 4, TP HCM.
- Điện thoại: (84-8) 3826 8999
- Fax: (84-8) 3943 4816
- Website: bsi.com.vn

VII. PHỤ LỤC

1. Phụ lục I: Điều lệ Ngân hàng TMCP Gia Định

- Điều lệ Ngân hàng TMCP Gia Định ngày 16 tháng 01 năm 2004.
- Quyết định số 286/QĐ-NHNN ngày 17 tháng 03 năm 2004 của NHNN Việt Nam về việc chuẩn y việc sửa đổi bổ sung Điều lệ của Ngân hàng TMCP Gia Định.
- Quyết định số 1872/QĐ-NHNN ngày 16 tháng 12 năm 2005 của NHNN Việt Nam về việc chuẩn y sửa đổi bổ sung Điều lệ của Ngân hàng TMCP Gia Định.
- Quyết định số 238/QĐ-NHNN ngày 24 tháng 01 năm 2008 của NHNN Việt Nam về việc chuẩn y sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Ngân hàng TMCP Gia Định.

2. Phụ lục II: Những văn bản pháp luật liên quan đến tổ chức phát hành

- Giấy phép hoạt động số 0025/NH-GP do NHNN cấp ngày 22/08/1992.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 059036 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp. Hồ Chí Minh cấp (đăng ký lần đầu ngày 16 tháng 10 năm 1992, đăng ký thay đổi lần thứ 16 ngày 29 tháng 7 năm 2010).
- Giấy chứng nhận đăng ký thuế số 0301378892 đăng ký ngày 25 tháng 05 năm 1998 do Cục Thuế Tp. Hồ Chí Minh cấp ngày 07 tháng 09 năm 2005.

3. Phụ lục III: Các báo cáo tài chính.

- Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2008 của Ngân hàng TMCP Gia Định.
 - Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2009 của Ngân hàng TMCP Gia Định.
 - Báo cáo tài chính Quý I, II/2010 của Ngân hàng TMCP Gia Định.
-
-
-

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 6 năm 2010

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH
NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN GIA ĐỊNH
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



NGÔ QUANG TRUNG

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Phạm Thị Mỹ Chi

PHÓ PHÒNG KT - TC

Võ Lý Mỹ Hằng

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BETA
TỔNG GIÁM ĐỐC**



Nguyễn Văn Chiên